

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Quốc hội

Căn cứ quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội về kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, căn cứ Chương trình kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV, Chính phủ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

Phần I

**TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được thực hiện trong bối cảnh khu vực và thế giới có những yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen, diễn biến phức tạp hơn so với dự báo, đó là: xu hướng phục hồi và phát triển của kinh tế thế giới, liên kết và tự do hóa thương mại vẫn là xu thế chủ đạo nhưng đan xen yếu tố bảo hộ, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, những thách thức từ căng thẳng thương mại, đầu tư giữa một số nền kinh tế lớn, xung đột chính trị, sắc tộc, biên giới gây bất ổn... đã tác động đến tăng trưởng kinh tế và phát triển toàn cầu cũng như trong nước, ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt của kinh tế, văn hóa, xã hội; đặc biệt, vào năm cuối giai đoạn 2016-2020, đại dịch Covid-19 đã làm cho kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái.

Trong nước, kinh tế vĩ mô ổn định vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế được đảm bảo, môi trường kinh doanh được cải thiện, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt kết quả tích cực, đúng hướng, thực chất hơn,... Tuy nhiên, kinh tế trong nước vẫn tiếp tục đối mặt với những khó khăn, rủi ro đan xen từ tác động của việc dịch chuyển dòng vốn đầu tư, hội nhập quốc tế cùng áp lực về cơ sở hạ tầng kinh tế, an sinh xã hội và diễn biến bất thường của thời tiết, biến đổi khí hậu, đặc biệt là đại dịch Covid-19...

Trong bối cảnh lần đầu tiên tổ chức xây dựng, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm theo quy định mới của pháp luật về đầu tư công, tuy còn một số khó khăn, vướng mắc, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giám sát của Quốc hội, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ của Chính phủ, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý để xây dựng và triển khai tốt hơn Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo.

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Triển khai các Nghị quyết số 26/2016/QH14, số 71/2018/QH14 và số 84/2019/QH14 của Quốc hội, trên cơ sở tổng mức vốn 2 triệu tỷ đồng¹ và các nguyên tắc, tiêu chí được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua, Chính phủ đã giao kế hoạch đầu tư trung hạn cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đạt 1.815.556 tỷ đồng, bằng 90,8% tổng mức vốn được Quốc hội thông qua, trong đó 11.100 dự án² sử dụng vốn ngân sách trung ương (NSTW), giảm gần một nửa so với giai đoạn 2011-2015.

Tổng mức vốn đầu tư công hằng năm thuộc dự toán NSNN được Quốc hội quyết nghị đạt 1.926.063 tỷ đồng, bằng 96,3% tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn Quốc hội quyết định, vượt 110.507 tỷ đồng kế hoạch đầu tư công trung hạn được giao chủ yếu do Quốc hội cho phép các địa phương có nguồn thu lớn, vượt thu được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (NSĐP) trên cơ sở khả năng thu thực tế, cao hơn mức kế hoạch trung hạn được giao ban đầu, bảo đảm không tăng mức bội chi của NSĐP hằng năm³. Tuy nhiên, phần vốn NSTW trong nước chỉ đạt 637.089 tỷ đồng, thấp hơn 130.755 tỷ đồng so với tổng mức kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW được giao.

Tỷ lệ giải ngân bình quân hằng năm đạt khoảng 83,4% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó riêng năm 2020, tỷ lệ giải ngân đạt cao nhất, trên 97,46%⁴. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai

¹ Bao gồm: 1.120 nghìn tỷ đồng vốn NSTW (trong đó vốn NSTW trong nước là 820 nghìn tỷ đồng, vốn nước ngoài là 300 tỷ đồng) và 880 nghìn tỷ đồng vốn NSĐP. Quốc hội quy định mức dự phòng 10% tính theo từng nguồn vốn.

² Không bao gồm các dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia. Gồm: 5.271 dự án chuyên tiếp, 4.208 dự án khởi công mới (trong đó có 227 dự án khởi công mới sử dụng dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020).

³ Đối với NSĐP, tổng số vốn kế hoạch trung hạn được Quốc hội thông qua là 880 nghìn tỷ đồng, số vốn thực tế các địa phương thực hiện là 1.004,35 nghìn tỷ đồng. Một số địa phương có nguồn thu lớn, vượt thu như Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Bình Dương, Đồng Nai...

⁴ Tỷ lệ giải ngân các năm: 2016 đạt 88,27%; 2017 đạt 81,69%; 2018 đạt 71,69%; 2019 đạt 78,68%; 2020 đạt 97,46%.

đoạn 2016-2020 cho thấy đạt và vượt 4/6 mục tiêu được Quốc hội thông qua⁵, trong đó, mục tiêu bảo đảm cân đối NSTW cho đầu tư là không đạt.

Trong giai đoạn 2016-2020, Thủ tướng Chính phủ đã giao kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật là 28.717,595 tỷ đồng cho các bộ, cơ quan trung ương⁶. Trên cơ sở đó, các bộ, cơ quan trung ương đã triển khai phân bổ vốn nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo đúng các quy định Luật Đầu tư công, Luật NSNN và các Nghị định hướng dẫn, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan đến việc sử dụng nguồn thu để lại cho đầu tư của từng bộ, cơ quan trung ương, bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Thể chế, chính sách về đầu tư công được hình thành và ngày càng hoàn thiện, quy định rõ nhiều nội dung về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, phân cấp, trách nhiệm,... tạo khung khổ pháp lý, nâng cao hiệu quả đầu tư công

Hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện. Trình tự, thủ tục quản lý đầu tư công được tiếp tục đơn giản hóa gắn liền với việc đẩy mạnh các giải pháp bảo đảm giám sát chặt chẽ, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực. Toàn bộ công tác giao kế hoạch vốn, điều chuyển kế hoạch vốn chi tiết cho từng dự án đã được phân cấp cụ thể gắn với trách nhiệm trong từng khâu lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, xây dựng, triển khai thực hiện dự án và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư dự án... Phương thức phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công đã có bước đổi mới căn bản, gắn liền với định hướng, mục tiêu phát triển của từng cấp, từng ngành trong tổng thể Chiến lược và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, ngành, vùng và địa phương. Nhờ đó, số lượng dự án đầu tư công giai đoạn 2016-2020 đã giảm được hơn một nửa so với giai đoạn 2011-2015, số lượng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm từ

⁵ Cụ thể: 02 mục tiêu vượt: vốn NSNN vượt 2 triệu tỷ đồng và vốn NSDP vượt 880 nghìn tỷ đồng; 02 mục tiêu đạt: bố trí đủ vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia và thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo kế hoạch trung hạn được duyệt; 02 mục tiêu không đạt: thu hồi vốn ứng trước chỉ đạt 52,4% tổng số vốn ứng trước được tổng hợp; phần vốn NSTW trong nước chỉ đạt 637.089 tỷ đồng, thấp hơn 130.755 tỷ đồng so với tổng mức kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW được giao.

⁶ Bộ Tư pháp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Ngoại giao, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đài Truyền hình Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

16 xuống còn 02 Chương trình và Chương trình mục tiêu giảm từ 61 xuống còn 21 Chương trình.

2. Từng bước khắc phục hạn chế, tồn tại của giai đoạn trước, cân đối đủ vốn để thanh toán toàn bộ nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSTW, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản mới, hoàn trả một phần số ứng trước kế hoạch vốn NSTW, kiểm soát chặt chẽ ứng trước kế hoạch vốn.

Kế hoạch đầu tư công hằng năm từ năm 2016-2020, vốn NSTW giai đoạn 2016-2020 đã bố trí đủ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để thanh toán toàn bộ số nợ đọng xây dựng cơ bản⁷ thuộc nghĩa vụ của NSTW đến hết ngày 31/12/2014 là 7.481,3 tỷ đồng⁸.

Tổng số vốn NSTW ứng trước từ kế hoạch hằng năm đến hết năm 2015 chưa thu hồi là 89,7 nghìn tỷ đồng⁹. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã bố trí là 50,2 nghìn tỷ đồng nhưng tổng số vốn bố trí thực tế trong kế hoạch hằng năm để thu hồi vốn ứng trước đến hết năm 2020 là 41,6 nghìn tỷ đồng, bằng 52,8% tổng số vốn ứng trước từ năm 2015 đã tổng hợp và báo cáo cấp có thẩm quyền. Số vốn còn lại được tiếp tục bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 để thu hồi¹⁰.

Việc ứng trước vốn kế hoạch năm trong giai đoạn 2016-2020 được kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm vốn ứng trước kế hoạch phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN 2015. Tổng số vốn ứng trước trong kỳ kế hoạch bằng 12% tổng số vốn ứng trước trong giai đoạn 2011-2015 và đã được thu hồi theo đúng quy định.

3. Công tác kế hoạch hóa được đổi mới với tầm nhìn trung hạn, sắp xếp thứ tự ưu tiên, cơ cấu đầu tư công chuyển biến tích cực, vừa góp phần thúc đẩy tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội

Nguồn vốn đầu tư công đã được tập trung đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, công trình thiết yếu của nền kinh tế, các dự án quan trọng quốc gia, các công trình giao thông then chốt như đường bộ, sân bay, bến cảng, đường sắt, nâng cấp và xây mới các công trình thủy lợi, tập trung xây dựng các công trình điện, thông tin liên lạc, cải tạo và xây dựng mới kết cấu hạ tầng các

⁷ Theo quy định của Luật Đầu tư công.

⁸ Tổng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn bố trí thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản (không bao gồm nợ đọng xây dựng cơ bản của Chương trình mục tiêu quốc gia) là 7.738,9 tỷ đồng. Nếu tính cả số nợ đọng xây dựng cơ bản bố trí cho Chương trình mục tiêu quốc gia là 1.066,024 tỷ đồng thì tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản phải thanh toán trong giai đoạn 2016-2020 là 8.804,924 tỷ đồng. Đã bố trí vốn thanh toán hằng năm là 8.547,324 tỷ đồng (trong đó 7.481,3 tỷ đồng cho dự án không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia) phần còn lại không bố trí kế hoạch hằng năm để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản là 257,7 tỷ đồng do các dự án đã được bố trí từ nguồn vốn hợp pháp của địa phương để trả nợ hoặc giá trị nợ đọng xây dựng cơ bản giảm sau khi dự án được quyết toán.

⁹ Trong đó số vốn ứng trước đã tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền là 78,8 nghìn tỷ đồng.

¹⁰ Theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

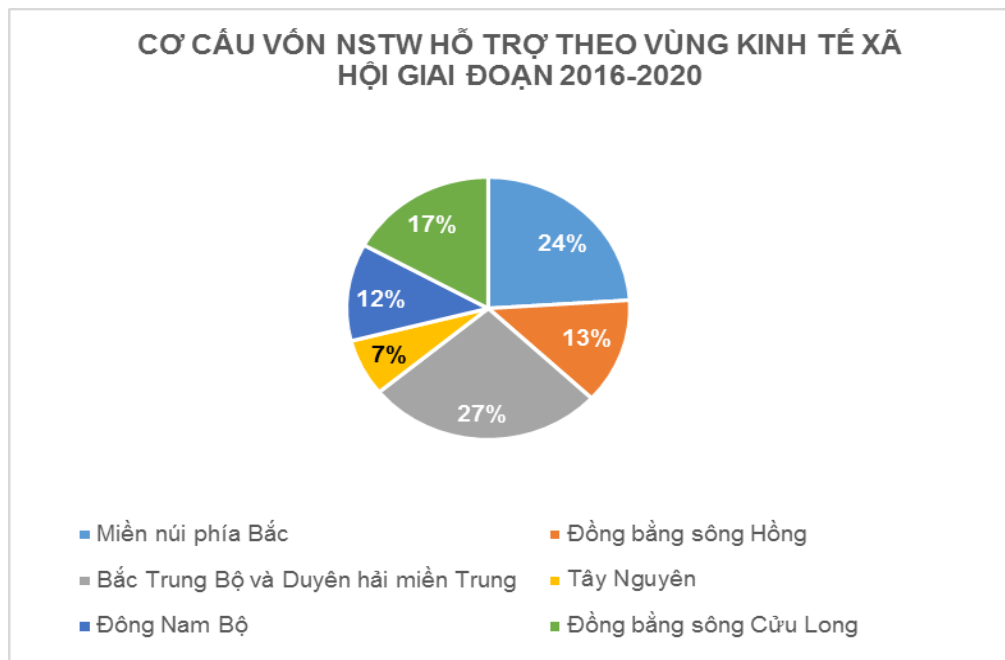
khu đô thị, khu công nghiệp, các bệnh viện, trường học, công trình văn hóa thể thao, đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ (TPCP) bố trí cho các dự án, công trình quan trọng thuộc lĩnh vực giao thông, thủy lợi quy định tại Phụ lục số 3 của Nghị quyết số 726/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Dự án Di dân tái định cư thủy điện Sơn La; các dự án mới, thực sự cấp bách thuộc ngành y tế, giao thông, thủy lợi; chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non, tiểu học cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Ngoài các dự án trọng điểm cần đầu tư 100% vốn từ nguồn TPCP, vốn TPCP giai đoạn 2016-2020 đồng thời được sử dụng làm vốn góp của Nhà nước thực hiện một số đoạn đường theo phương thức đối tác công tư (PPP) thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020, qua đó khai thác nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Cơ bản các dự án sử dụng vốn TPCP giai đoạn 2016-2020 là dự án khởi công mới, sau khi hoàn thành sẽ trực tiếp góp phần tăng cường đáng kể hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại theo đúng chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012. Nhiều dự án đã được bố trí đủ vốn TPCP kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2017-2020 trong kế hoạch các năm 2017, 2018 để thực hiện, trong đó: 48 dự án giao thông, 02 dự án thủy lợi, 03 dự án y tế, Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La và nhiều phòng học thuộc Chương trình Kiên cố hóa trường lớp học mẫu giáo, tiểu học. Trong giai đoạn 2016-2020, bố trí đủ kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn NSTW cho các chương trình, dự án có khả năng thực hiện và giải ngân theo số vốn NSTW đã ký kết Hiệp định của từng dự án, trong đó nhiều chương trình, dự án có ý nghĩa kinh tế - xã hội lan tỏa như: Chương trình đô thị miền núi phía Bắc (WB), Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc (ADB), Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB), Dự án chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên (ADB), Chương trình giảm nghèo dựa trên phát triển hàng hóa (IFAD), Dự án hỗ trợ nông nghiệp, nông dân và nông thôn (IFAD),...

Trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã ưu tiên đầu tư vốn NSNN cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, bão lũ và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; các nhiệm vụ ứng phó biến đổi khí hậu, phòng, chống, khắc phục tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, sự cố ô nhiễm môi trường biển ở 4 tỉnh miền Trung; ưu tiên bố trí vốn các dự án quan trọng, cấp bách, liên kết vùng, có tính chất lan tỏa, tạo động lực thu hút đầu tư tư nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ lệ vốn NSTW giai

đoạn 2016-2020 bố trí cho các vùng như sau: Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 27%, vùng miền núi phía Bắc là 24%, Đồng bằng sông Cửu Long 17%, Đồng bằng sông Hồng 13%, Đông Nam Bộ 12% và Tây Nguyên 7%.

Mức chi đầu tư vốn NSNN bình quân trên đầu người vùng Đông Nam Bộ chiếm tỷ lệ cao nhất (29,9 triệu đồng/người) do đây là vùng có nguồn thu NSDP lớn nhất¹¹, tiếp đến là đồng bằng sông Hồng (16,98 triệu đồng/người); Miền núi phía Bắc (14,24 triệu đồng/người); Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (13,6 triệu đồng/người); Đồng bằng sông Cửu Long (12,3 triệu đồng/người) và thấp nhất là Tây Nguyên (10,15 triệu đồng/người). Tỷ trọng chi đầu tư bình quân vốn NSNN/GRDP vùng miền núi phía Bắc là cao nhất (6,37%), Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung 5,6%, Đồng bằng sông Cửu Long 5,06%, Tây Nguyên 4,77%, Đồng bằng sông Hồng 4,45% và Đông Nam Bộ 2,98%.



4. Hiệu quả đầu tư từng bước cải thiện, cơ bản khắc phục được tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, manh mún; tỷ lệ dự án hoàn thành đạt khá và hệ số suất đầu tư (ICOR) giảm, góp phần huy động một số lượng lớn vốn đầu tư toàn xã hội; số dự án khởi công mới từng năm trong giai đoạn 2016-2020 giảm dần.

So với giai đoạn 2016-2020, số dự án sử dụng vốn NSTW triển khai trong kỳ giảm một nửa, còn khoảng 11.100 dự án, giảm một nửa so với giai đoạn 2011-2015, trong đó dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 là 7.354 dự án, bằng 66,2% tổng số dự án (số dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 hoàn thành trong giai đoạn 2016-2020 là 4.547 dự án, dự án khởi công mới hoàn thành ngay trong giai đoạn 2016-2020 là 2.807 dự án), khởi công mới 4.208 dự

¹¹ Tỷ trọng thu NSNN trên địa bàn vùng trong tổng thu NSNN: Vùng Đông Nam Bộ (40,89%), Đồng bằng sông Hồng (34,07%), Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (12,51%), Đồng bằng sông Cửu Long (6,31%); Miền núi phía Bắc (4,6%) và thấp nhất là Tây Nguyên (1,63%)

án. Số dự án khởi công mới từng năm trong giai đoạn 2016-2020 giảm dần¹², nguồn vốn NSNN tập trung cho các dự án chuyên tiếp, đang triển khai dở dang theo đúng nguyên tắc, tiêu chí bố trí vốn quy định tại Nghị quyết số 26/2016/QH14. Số vốn bố trí bình quân cho một dự án kế hoạch năm sau cao hơn năm trước, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả.

Hiệu quả kinh tế - xã hội của đầu tư nói chung và đầu tư công nói riêng đã từng bước được cải thiện. Hệ số ICOR giảm dần; ICOR giai đoạn 2016-2019¹³ là 6,1 thấp hơn so với mức gần 6,3 của giai đoạn 2011-2015¹⁴. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 9,2 triệu tỷ đồng, bằng 33,7% GDP, đạt mục tiêu bình quân 5 năm (32-34%) và cao hơn giai đoạn 2011-2015 (31,7% GDP).

Đầu tư tư nhân đã phát huy tác dụng, không chỉ đối với đầu tư kết cấu hạ tầng, mà còn có nhiều công trình, dự án sản xuất, kinh doanh được đưa vào sử dụng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tỷ trọng vốn đầu tư nhà nước trong tổng đầu tư xã hội giảm dần, từ mức bình quân 39,11% trong giai đoạn 2011-2015 xuống mức bình quân 34%. Cơ cấu huy động vốn đầu tư chuyển dịch tích cực, phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng; khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài nhà nước bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật.

5. Công tác chỉ đạo, điều hành ở các cấp ngày càng đổi mới, quyết liệt, kịp thời với nhiều giải pháp đột phá, góp phần thúc đẩy giải ngân, chất lượng, hiệu quả, nhất là năm 2020.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, công tác giải ngân vốn đầu tư công đã được Đảng, Quốc hội và Chính phủ chỉ đạo đồng bộ quyết liệt, hiệu quả. Kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công được tăng cường, đã gắn trách nhiệm của người đứng đầu, trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan trong việc bảo đảm tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công. Trong kỳ kế hoạch trung hạn, Chính phủ đã ban hành 04 Nghị quyết chuyên biệt về giải ngân vốn đầu tư công¹⁵, tổ chức 06 Hội nghị giải ngân vốn đầu tư công, thành lập nhiều Đoàn công tác kiểm tra tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong đầu tư công.

Năm 2020, trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, tại Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển kinh tế đất nước, Bộ Chính trị đã đề ra giải

¹² Năm 2016: 997 dự án, 2017: 736 dự án, 2018: 842 dự án, 2019: 813 dự án, 2020: 820 dự án.

¹³ Không bao gồm năm 2020 là năm đặc biệt, do tác động của dịch Covid-19, tăng trưởng GDP giảm mạnh và chỉ số ICOR không phản ánh đầy đủ được thực tiễn hiệu quả đầu tư.

¹⁴ Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, GDP năm 2020 giảm mạnh so với kế hoạch dẫn đến hệ số ICOR năm 2020 là 18,07, tác động mạnh đến hệ số ICOR của giai đoạn 2016-2020 khoảng 8,5.

¹⁵ Các Nghị quyết số: 60/NQ-CP ngày 8/7/2016, 70/NQ-CP ngày 3/8/2017, 94/NQ-CP ngày 29/10/2019, 84/NQ-CP ngày 29/5/2020.

pháp chủ động điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 giữa các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương trong phạm vi dự toán chi đầu tư phát triển năm 2020. Trên cơ sở đó, Quốc hội đã ban hành giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công chưa từng có tiền lệ trong thời gian qua, đó là phân cấp cho Chính phủ *chủ động điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2020 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong tổng mức vốn NSTW năm 2020 đã được Quốc hội quyết định*, đảm bảo sử dụng vốn đầu tư công tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí vốn. Nhờ vậy, tỷ lệ giải ngân vốn NSNN năm 2020 cao hơn nhiều so với các năm trước, đạt 97,46% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao¹⁶, góp phần nâng tỷ lệ giải ngân bình quân giai đoạn 2016-2020 lên 83,4%.

6. Hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được cải thiện, góp phần đáng kể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, môi trường đầu tư, kinh doanh, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Vốn đầu tư công, nhất là từ nguồn NSNN và TPCP, được bố trí tập trung hơn, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán, lãng phí; tăng cường quyền tự chủ, chủ động, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong lựa chọn, phê duyệt, phân bổ vốn cho dự án cụ thể theo đúng mục tiêu, định hướng phát triển; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong công tác phân bổ vốn đầu tư. Việc ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án của các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của cả nước đã góp phần nâng cao năng lực các ngành kinh tế. Cụ thể:

- Đối với lĩnh vực giao thông: hoàn thành đưa vào khai thác được 468 km đường bộ cao tốc (bao gồm các dự án do địa phương kêu gọi đầu tư), nâng cấp được 600 km quốc lộ, 31 cầu lớn và cầu trung (với một số dự án lớn như: cầu cạn Mai Dịch - Nam Thăng Long, đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện, tuyến Lộ Tế - Rạch Sỏi, đường kết nối khu vực trung tâm đồng bằng sông Cửu Long, đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình giai đoạn 1, các cầu: Hưng Hà, Thịnh Long, Vàm Cống, Cao Lãnh), cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, 13 km đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông, cải tạo một số tuyến luồng hàng hải, đường nội địa cấp bách, một số cầu yếu trên tuyến đường sắt Thống Nhất...

- Đối với lĩnh vực công nghiệp: Đầu tư lưới điện nông thôn đã đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, kết hợp xóa đói giảm nghèo, giảm nhanh sự

¹⁶ Kế hoạch đầu tư vốn NSNN Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm là 470.600 tỷ đồng, bổ sung từ nguồn tăng thu NSTW và điều chỉnh chi thường xuyên sang chi đầu tư của Tổng cục Thuế, Hải quan là 10.614,921 tỷ đồng; giảm kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài là 14.598,89 tỷ đồng. Như vậy, tổng số vốn NSNN năm 2020 là 466.616,031 tỷ đồng.

chênh lệch giữa đời sống người dân khu vực nông thôn và thành thị nhất là khu vực vùng sâu vùng xa, biên giới và hải đảo; đã thực hiện cấp điện cho các huyện đảo. Đối với các đảo có vị trí chiến lược trên biển (như: Phú Quốc, Cô Tô, Lý Sơn, Kiên Hải, Lại Sơn, Hòn Nghệ, Cù Lao Chàm...) thực hiện đầu tư cấp điện lưới quốc gia để đảm bảo cấp điện ổn định phục vụ phát triển kinh tế, góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Đối với lĩnh vực nông nghiệp: Hoàn thành cơ bản một số công trình thủy lợi lớn; một số dự án cấp bách khắc phục tình trạng hạn hán ở Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và hạn hán, xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long như hoàn thành cơ bản đầu mối các hồ chứa: hồ Bản Lái, tỉnh Lạng Sơn; hồ Ngòi Giành, tỉnh Phú Thọ; Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh; hồ Đồng Mít tỉnh Bình Định; Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ, tỉnh Ninh Thuận; hồ Sông Lũy, tỉnh Bình Thuận; hồ EaHleo tỉnh Đắk Lắk; hồ Đa Sĩ, tỉnh Lâm Đồng; hồ Ia Mor, tỉnh Gia Lai và tỉnh Đắk Lắk và các dự án kiểm soát xâm nhập mặn: Đập Sông Hiếu, tỉnh Quảng Trị; Cống Tha La, cống Trà Sư tỉnh An Giang; Cống Âu Ninh Quới, tỉnh Bạc Liêu; Hệ thống thủy lợi Bắc nam Bến Tre và Cống Cái Lớn - Cái Bé, tỉnh Kiên Giang, Hậu Giang, Cà Mau.

Các dự án sau khi hoàn thành phát huy hiệu quả, đảm bảo an ninh nguồn nước cho nhiều vùng. Cụ thể: Dung tích hồ chứa tăng thêm khoảng 1,397 tỷ m³; Diện tích tưới trực tiếp tăng thêm khoảng 80.499 ha; tạo nguồn, nâng cao năng lực tưới khoảng 318.839 ha; nâng cao năng lực tiêu khoảng 402.492 ha; kiểm soát mặn, giữ ngọt cho khoảng 1,1 triệu ha; cung cấp nước sinh hoạt và công nghiệp, dịch vụ. Củng cố, tu bổ khoảng 1.320 km đê, trong đó 700 km đê biển và 620 km đê sông; 5.482 hồ chứa vừa và nhỏ được đảm bảo an toàn. Các công trình hạ tầng thủy sản đã phát huy hiệu quả: Công suất neo đậu tránh trú bão tăng thêm khoảng 3.700 tàu, công suất cảng cá tăng thêm khoảng 620 lượt tàu/ngày, lượng hàng qua cảng tăng thêm khoảng 55.000 tấn/năm. Diện tích nuôi trồng thủy sản tập trung tăng thêm khoảng 8.820 ha.

- Đối với lĩnh vực y tế: Hoàn thành một số bệnh viện tuyến cuối đạt tiêu chuẩn hiện đại ngang tầm với các nước tiên tiến trong khu vực như Bệnh viện nhi đồng TP. Hồ Chí Minh, Viện Chấn thương Chỉnh hình - Bệnh viện Quân y 175. Hệ thống bệnh viện đa khoa tỉnh được tăng cường đầu tư, hoàn thành dự án bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La, Bình Phước... bằng nguồn vốn TPCP. Đồng thời, việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án xây dựng bệnh viện chuyên khoa, đa khoa tại trung ương và các địa phương đã góp phần thực hiện chỉ tiêu Quốc hội giao về số giường bệnh trên 1 vạn dân, năm 2020 đạt 28 giường vượt chỉ tiêu Quốc hội giao tại Nghị quyết số 142/2016/QH13 (đến năm 2020 là 26,5 giường). Kết quả chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của người bệnh được nâng

lên¹⁷, tình trạng quá tải của một số bệnh viện trung ương và thành phố lớn được cải thiện, một số bệnh viện đã thu hút người nước ngoài khám chữa bệnh tại Việt Nam¹⁸. Nhiều dịch vụ y tế kỹ thuật cao, tiên tiến được áp dụng. Hệ thống y tế dự phòng, đặc biệt là các Trung tâm y tế dự phòng tỉnh được đầu tư, củng cố, nâng cao năng lực nhằm phát hiện sớm, can thiệp kịp thời có hiệu quả các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới nổi, các bệnh không lây nhiễm, giảm tỷ lệ mắc, tàn tật và chết. Bên cạnh đó, trang thiết bị y tế chuyên sâu để thực hiện các kỹ thuật y tế tiên tiến, hiện đại được đầu tư đồng bộ đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế chất lượng cao của người bệnh.

- Đối với lĩnh vực xã hội: bảo đảm bố trí vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp các trung tâm điều dưỡng và chăm sóc người có công của ngành lao động thương binh và xã hội, góp phần tăng số giường điều dưỡng thêm 3.000 giường, tăng số lượng người có công được phục vụ điều dưỡng theo chế độ, chính sách từ 13% lên 20%; bố trí đủ vốn để hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng, trong đó hỗ trợ cho 313.707 hộ gia đình (gồm 126.733 hộ xây mới và 186.974 hộ sửa chữa) giúp cho gia đình người có công cải thiện rõ rệt điều kiện nhà ở, chất lượng cuộc sống góp phần thực hiện tốt chủ trương, chính sách, chế độ đãi ngộ đối với gia đình người có công với cách mạng. Các giải pháp, chính sách giảm nghèo được triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả.

- Đối với lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ: hoàn thành các dự án nâng cao năng lực của các tổ chức nghiên cứu khoa học, xây dựng các trường đại học chất lượng cao, tăng cường cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học ở các vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa.

- Đối với lĩnh vực tư pháp: các trụ sở, cơ sở phục vụ hoạt động tư pháp, lưu giữ tang vật... sau khi được đầu tư xây dựng bảo đảm chất lượng, công năng sử dụng phù hợp với hoạt động tư pháp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần cải cách tư pháp, cơ bản thống nhất về hình thức tương ứng với quy mô biên chế và lượng án, đảm bảo tính trang nghiêm, tương xứng với vị trí của hệ thống cơ quan công quyền. Hầu hết các trụ sở có vị trí phù hợp quy hoạch của địa phương, cơ bản thuận tiện giao thông để người dân dễ tiếp cận.

- Đối với lĩnh vực quốc phòng: bảo đảm bố trí vốn đầu tư cho các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh để bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, như: xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng theo Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, tập trung triển khai hoàn thành các dự án thuộc

¹⁷ Báo cáo Chỉ số PAPI năm 2018 cho thấy chỉ số hài lòng của người dân về y tế công lập tăng từ 1,84 giai đoạn 2011-2015 lên 1,96 năm 2018 (thang điểm 2,5); số người sử dụng dịch vụ y tế của bệnh viện công tuyến huyện phải lót tay nhân viên y tế để được chăm sóc tốt hơn giảm mạnh từ 20% năm 2013 xuống 12% năm 2015 và chỉ còn 0,4% năm 2018. Khảo sát của Tổ chức Sáng kiến Việt Nam, Oxfam cho thấy chỉ số hài lòng người bệnh nội trú đạt 4,04/5, tương ứng với 80,8%.

¹⁸ Năm 2018 khoảng 60 nghìn lượt điều trị nội trú; 300 nghìn lượt khám bệnh của người nước ngoài.

chương trình Biên Đông - Hải đảo để tăng cường khả năng kiểm tra, kiểm soát tuyến biên, bảo vệ tuyến biên giới Việt - Trung, Việt - Lào - Căm-pu-chia,...

- Đối với lĩnh vực an ninh: cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp và đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ thực tế của lực lượng công an nhân dân trong cuộc đấu tranh phòng chống các loại tội phạm trước những diễn biến đa dạng, phức tạp của tình hình an ninh chính trị trong nước cũng như trên thế giới. Ngành an ninh đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong việc bảo vệ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, bảo đảm an ninh, an toàn cho các sự kiện lớn của đất nước như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, các hội nghị quốc tế lớn tổ chức tại Việt Nam (APEC 2017, WEF ASEAN 2018...), các đoàn nguyên thủ quốc gia thăm Việt Nam...; tăng tỷ lệ điều tra, phá án, nhất là các vụ án đặc biệt nghiêm trọng, các vụ án nổi cộm, gây bức xúc dư luận, các vụ án về tham nhũng, ma túy...

- Đối với 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: Đến hết năm 2020, có 5.506 xã (62%) đạt chuẩn nông thôn mới; 12 tỉnh, thành phố có 100% số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân cả nước đạt 16,38 tiêu chí/xã; cả nước không còn xã dưới 5 tiêu chí. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của cả nước giảm từ 9,88% cuối năm 2015 xuống còn 2,75% vào cuối năm 2020, bình quân giai đoạn 2016-2020 giảm 1,43%/năm; tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo còn khoảng 24%, bình quân trong 5 năm giảm 5,65%/năm, vượt mục tiêu Quốc hội giao. Đời sống người dân không ngừng được cải thiện; tạo sinh kế và nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

7. Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá, thanh tra, kiểm tra được tăng cường, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, góp phần bảo đảm công khai, minh bạch trong đầu tư công.

Công tác giám sát, đánh giá đầu tư được tăng cường, bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời về tình hình triển khai và kết quả thực hiện các chương trình, dự án¹⁹. Nhờ đó, cơ quan quản lý Nhà nước nắm được cụ thể diễn biến của quá trình đầu tư và có các quyết định xử lý kịp thời, phù hợp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực hiện chương trình dự án đúng tiến độ, đúng yêu cầu chất lượng, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư. Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tổng hợp, lập, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm. Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công được tiếp tục hoàn thiện bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư, phù hợp với quá trình xây dựng Chính phủ điện tử và tiến tới Chính phủ số.

¹⁹ Từ năm 2016-2019, theo Báo cáo công tác, giám sát đánh giá tổng thể đầu tư các cơ quan quản lý nhà nước đã tiến hành kiểm tra 55.614 dự án sử dụng vốn nhà nước, qua kiểm tra đã phát hiện 295 dự án vi phạm quy định về thủ tục đầu tư, 132 dự án vi phạm quản lý chất lượng, 1.977 dự án thất thoát lãng phí.

Đánh giá tổng quát, trong giai đoạn 2016-2020, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp đã nỗ lực phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện hiệu quả nhiều mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả nổi bật, pháp luật về đầu tư công được sửa đổi, hoàn thiện; kỷ luật, kỷ cương trong các hoạt động đầu tư công từng bước được nâng cao; bước đầu đã khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, phê duyệt dự án nhưng không bảo đảm được nguồn vốn. Đã chủ động rà soát, cắt giảm các dự án đầu tư chưa thực sự cấp thiết, ưu tiên bố trí vốn tập trung cho những dự án cấp bách, hệ thống các cơ sở hạ tầng thiết yếu, các công trình lớn, quan trọng theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, có tính kết nối, lan toả, tạo động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội. Đã bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, ưu tiên hoàn trả các khoản vốn ứng trước từ NSNN.

Những kết quả tích cực nêu trên là do tổng hòa của nhiều nguyên nhân, trong đó 02 nhóm nguyên nhân quan trọng, gồm: *Một là*, nhờ có sự quyết tâm, nỗ lực, đoàn kết của cả hệ thống chính trị và xã hội. *Hai là*, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cấp ủy đã chỉ đạo, giải quyết kịp thời, có hiệu quả nhiều vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn; Quốc hội, Chính phủ và chính quyền các cấp đã có nhiều đổi mới về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bám sát thực tiễn với các giải pháp mới, đột phá, kiên định triển khai theo các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Một số tồn tại, hạn chế

Mặc dù kết quả đạt được cơ bản là tích cực, đã từng bước cơ cấu lại đầu tư công theo đúng chủ trương của Đảng, Quốc hội nhưng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế, trong đó có những hạn chế đã kéo dài nhưng chậm được khắc phục:

a) Thể chế, chính sách về đầu tư công điều chỉnh chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn, một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chậm được sửa đổi, bổ sung, chưa rõ thẩm quyền dẫn tới đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, lúng túng. Vấn đề phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm cá nhân chưa được rõ ràng; trình tự, thủ tục tuy được cải thiện nhưng vẫn còn phức tạp, quá nhiều ngành, cấp, cơ quan tham gia theo quy định.

Thể chế, quy định quản lý đầu tư công (bao gồm quản lý đầu tư, quy hoạch, lựa chọn dự án, thực hiện dự án, quản lý xây dựng, đánh giá, giám sát dự án) còn chưa phù hợp với thông lệ quốc tế²⁰ và không đáp ứng yêu cầu thực tiễn,

²⁰ Đánh giá theo 15 chỉ tiêu về chất lượng thể chế quản lý đầu tư công (PIMA) do Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đưa ra, điểm số chất lượng hệ thống quản lý đầu tư công của Việt Nam còn thấp hơn đáng kể so

như phân cấp còn chưa triệt để, phân cấp chưa gắn với trách nhiệm, năng lực cấp dưới, dẫn tới tình trạng đùn đẩy, sợ trách nhiệm, thủ tục lập, thẩm định, quyết định dự án còn phức tạp dẫn đến nhiều dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia giữa kỳ kế hoạch mới hoàn thành thủ tục đầu tư để bố trí vốn. Một số văn bản quy định về vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài vừa mới được ban hành nhưng đã phát sinh nhiều vướng mắc, không phù hợp với thực tiễn, đòi hỏi phải sửa đổi sớm. Một số quy định của đầu tư công và quy định về NSNN, xây dựng, môi trường còn chưa thống nhất hoặc chưa phù hợp gây khó khăn trong việc thực hiện, làm ảnh hưởng tới tiến độ giải ngân của dự án. Điều này đã được khắc phục tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 của Quốc hội.

Quy định phân bổ vốn cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tăng bình quân 10%/năm so với kế hoạch năm 2015²¹ còn mang tính cào bằng, thiếu trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả thấp đặc biệt trong bối cảnh nguồn lực NSNN còn hạn hẹp.

Việc theo dõi, đánh giá các dự án sử dụng vốn đầu tư công chưa đồng bộ và chưa được coi trọng. Chưa xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư công, dẫn đến công tác theo dõi, đánh giá kế hoạch và dự án đầu tư công gặp rất nhiều khó khăn; không rút được kinh nghiệm từ việc triển khai thực hiện các dự án đã hoàn thành cho việc lựa chọn các dự án mới. Chưa chuẩn hóa được quy trình báo cáo thực hiện dự án. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình liên quan tới đầu tư công còn chưa cao. Vai trò giám sát, phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội và người dân đối với Nhà nước còn yếu, chưa được phát huy đầy đủ.

b) Công tác triển khai, thực hiện kế hoạch thiếu chủ động, linh hoạt, bố trí vốn chưa trọng tâm, trọng điểm, giải ngân vốn đầu tư công chậm...

Trong giai đoạn 2016-2020, theo quy định tại Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về danh mục dự án, mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án sử dụng vốn đầu tư công trước khi giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn. Tuy nhiên, thực tế triển khai một số nơi chưa chủ động thực hiện các thủ tục cần thiết để lập, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung dự án và lập kế hoạch nên mất nhiều thời gian, chậm trễ trong quá trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến để Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn cho

với mức trung bình của các quốc gia đang phát triển, và các nền kinh tế chuyển đổi - các quốc gia có những nét tương đồng trong quản lý đầu tư công. Đặc biệt, Việt Nam kém hơn ở khâu thẩm định và sắp xếp ưu tiên dự án đầu tư công (chỉ tiêu 6 đến 10) và khâu thực hiện dự án đầu tư công (chỉ tiêu 11-15).

²¹ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

từng dự án; một số dự án sử dụng vốn nước ngoài, dự án ký Hiệp định với các nhà tài trợ nước ngoài sau thời điểm Quốc hội phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, nhưng chuẩn bị dự án chưa tốt, chưa đáp ứng yêu cầu, chưa chủ động và linh hoạt kiến nghị điều chuyển vốn đầu tư trung hạn nên trong một số trường hợp làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công các năm đầu kỳ kế hoạch chậm, nhất là vốn nước ngoài. Một số dự án được giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2017, 2018 nhưng đến nay vì nhiều lý do khách quan, chủ quan vẫn chưa giải ngân hết số vốn được giao, tạo áp lực rất lớn đến cân đối NSNN giai đoạn 2021-2025, trong đó có 12 dự án sau với tổng số vốn là **4.118,884 tỷ đồng**:

(1) Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành của tỉnh Đồng Nai: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân của dự án là 1.077,278 tỷ đồng. Đây là dự án quan trọng quốc gia, nguyên nhân không giải ngân hết kế hoạch được giao là do quy mô giải phóng mặt bằng lớn, liên quan đến 5.541 hộ gia đình, công tác kiểm kê, quy chủ, xác định giá đất cụ thể, lập phương án bồi thường phức tạp, mất nhiều thời gian nên chưa giải ngân hết số vốn được giao.

(2) Dự án Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2017 còn lại chưa giải ngân của dự án là 47,299 tỷ đồng. Dự án ban đầu là nhóm B, phải chuyển đổi mục đích sử dụng 162,55 ha rừng đặc dụng thuộc Khu bảo tồn Núi Ông do đó phải trình Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 93/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019. Đến nay, tỉnh Bình Thuận vẫn chưa hoàn thiện hồ sơ để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư do sự thay đổi quy định về mức bồi hoàn rừng, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng²².

(3) Dự án Hồ chứa nước sông Than, tỉnh Ninh Thuận: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2017 còn lại chưa giải ngân của dự án là 254,782 tỷ đồng. Nguyên nhân là do trong quá trình thực hiện dự án phải thay đổi diện tích rừng sử dụng, phát sinh yếu tố dự án quan trọng quốc gia. Tại Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020, Quốc hội đồng ý chuyển mục đích sử dụng 431,76 ha đất rừng để thực hiện Dự án. Hiện nay, tỉnh đang hoàn thiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.

(4) Dự án Bệnh viện Nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2017 còn lại chưa giải ngân của dự án là 718,853 tỷ đồng. Nguyên nhân giải ngân chậm do dự án chủ yếu sử dụng cơ chế tạm ứng cho nhà thầu, đến nay tổng dự toán công trình chưa được phê duyệt nên việc thanh

²² Tại Báo cáo số 105/BC-UBND ngày 28/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận báo cáo Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Quốc hội khóa XIV về dự án này.

toán khối lượng hoàn thành cho nhà thầu không thực hiện được. Nguyên nhân tổng dự toán công trình chưa được phê duyệt do quá trình thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán kéo dài; chủ đầu tư phải khắc phục và điều chỉnh hồ sơ tổng dự toán theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ.

(5) Dự án Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2017 còn lại chưa giải ngân của dự án là 1.211,461 tỷ đồng. Nguyên nhân giải ngân chậm do công tác lập hồ sơ thiết kế còn nhiều sai sót nên phải thay đổi thiết kế, công tác phối hợp và triển khai thực hiện của các nhà thầu tư vấn và nhà thầu thi công; quy trình thẩm định và trình duyệt cấu hình, tính năng kỹ thuật trang thiết bị y tế phức tạp.

(6) Dự án xây dựng tuyến nối từ chùa Ba Sao đến chùa Bái Đính trên địa bàn tỉnh Hà Nam: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân đến thời điểm hiện nay là 326,46 tỷ đồng. Nguyên nhân là trong quá trình triển khai thực hiện dự án gặp khó khăn do hướng tuyến của dự án đi qua khu vực núi đá cao, khối lượng phá đá nổ mìn lớn làm ảnh hưởng đến cảnh quan thiên nhiên và môi trường, do đó phải làm thủ tục điều chỉnh dự án để phát huy hiệu quả đầu tư, giữ gìn cảnh quan.

(7) Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp đê Tả sông Luộc kéo dài (đoạn từ K120+600 đê tả sông Hồng đến K20+700 đê tả sông Luộc), tỉnh Hưng Yên: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân đến thời điểm hiện nay là 143,4022 tỷ đồng. Nguyên nhân chưa giải ngân hết là do một số hạng mục của dự án chỉ triển khai khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh lý trình giai đoạn 1 của dự án vào ngày 28/10/2019.

(8) Dự án Hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, tỉnh Quảng Bình: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân đến thời điểm hiện nay là 40 tỷ đồng. Nguyên nhân chưa giải ngân do ảnh hưởng nặng nề của các đợt mưa lũ tháng 9, 10/2020, khó khăn trong giải phóng mặt bằng nên không đảm bảo tiến độ thi công đề ra.

(9) Đường liên huyện dọc kênh chính qua huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân đến thời điểm hiện nay là 93,2848 tỷ đồng. Nguyên nhân chưa giải ngân do dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng rừng tự nhiên, đến ngày 31/7/2020 Thủ tướng Chính phủ mới cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng và phải thực hiện công tác tận thu lâm sản; đến tháng 10 năm 2020 mới có mặt bằng thi công, không giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

(10) Dự án nâng cấp đường ĐT.724 và xây dựng 03 cầu, thông tuyến đường ĐT.721 tỉnh Lâm Đồng: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân là 53,249 tỷ đồng. Nguyên nhân chưa giải ngân do dự án có

phạm vi quy mô đầu tư lớn với chiều dài toàn tuyến gần 65 km đi qua địa bàn 05 huyện, với phạm vi giải phóng mặt bằng đến hơn 2.000 hộ bị ảnh hưởng, vì vậy sau hơn 02 năm mới cơ bản đảm bảo mặt bằng; đồng thời điều kiện thời tiết diễn biến rất phức tạp, mưa bão kéo dài và dịch bệnh Covid nên ảnh hưởng đến tiến độ chung của dự án.

(11) Dự án Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân đến thời điểm hiện nay 81,416 tỷ đồng. Nguyên nhân chưa giải ngân do vướng mắc trong giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư, di dời hạ tầng kỹ thuật.

(12) Dự án Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 của Bộ Y tế: Kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2018 còn lại chưa giải ngân là 71,399 tỷ đồng. Nguyên nhân không giải ngân hết là phải điều chỉnh thiết kế để phù hợp với tổng mức đầu tư, công tác thanh toán tại Kho bạc nhà nước gặp khó khăn do đã có khối lượng hoàn thành nhưng chưa có dự toán được phê duyệt.

c) Cân đối NSTW cho đầu tư không đạt mục tiêu đề ra, trong thực hiện chưa bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW, cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực còn dàn trải, chưa gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế.

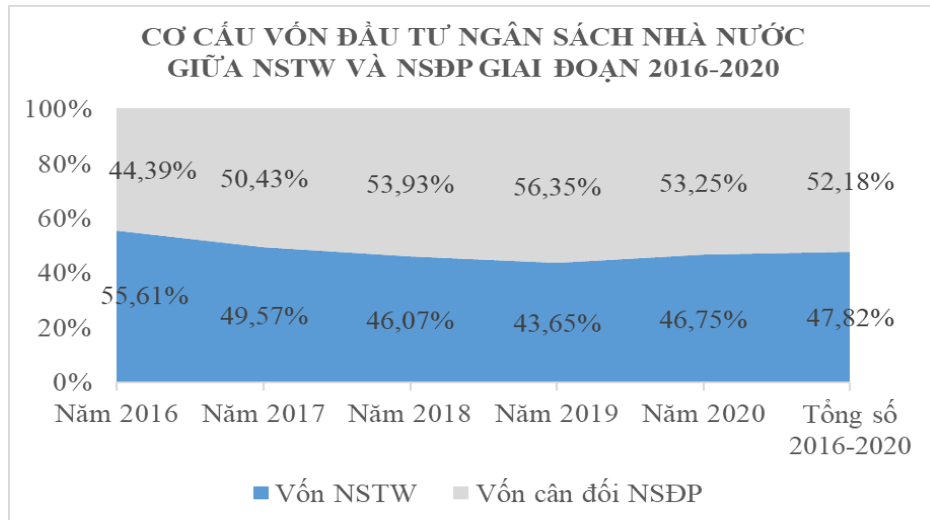
Tỷ trọng chi đầu tư phát triển giai đoạn 2016-2020 đạt khoảng 28% tổng chi NSNN, cao hơn 2-3% mục tiêu đề ra tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội (25-26%). Tổng nguồn NSNN bố trí cho chi đầu tư phát triển đạt khoảng 2.200 nghìn tỷ đồng²³, vượt khoảng 200 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch đầu tư vốn NSNN Quốc hội quyết định tại Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội. Tuy nhiên về cơ cấu NSNN, vốn đầu tư nguồn NSTW đạt 977,6 nghìn tỷ đồng²⁴, giảm 142,4 nghìn tỷ đồng so với kế hoạch Quốc hội quyết định. Số vốn còn thiếu này tiếp tục chuyển sang thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ cấu chi theo phân cấp ngân sách còn bất cập. Tỷ trọng chi đầu tư vốn NSTW và NSDP theo kế hoạch hằng năm trong giai đoạn 2016-2020 là 47,82% và 52,18%, không bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW. Tỷ trọng các khoản chi trực tiếp của NSTW có xu hướng giảm, tỷ lệ vốn NSTW bố trí cho các bộ, cơ quan trung ương sau khi đã bổ sung có mục tiêu cho địa phương chỉ còn 24,1% tổng chi NSNN (so với mức bình quân giai đoạn 2011-2015 là 26,8% và giai đoạn 2006-2010 là 34,5%). Bên cạnh đó, trong tổng số vốn đầu tư trung hạn

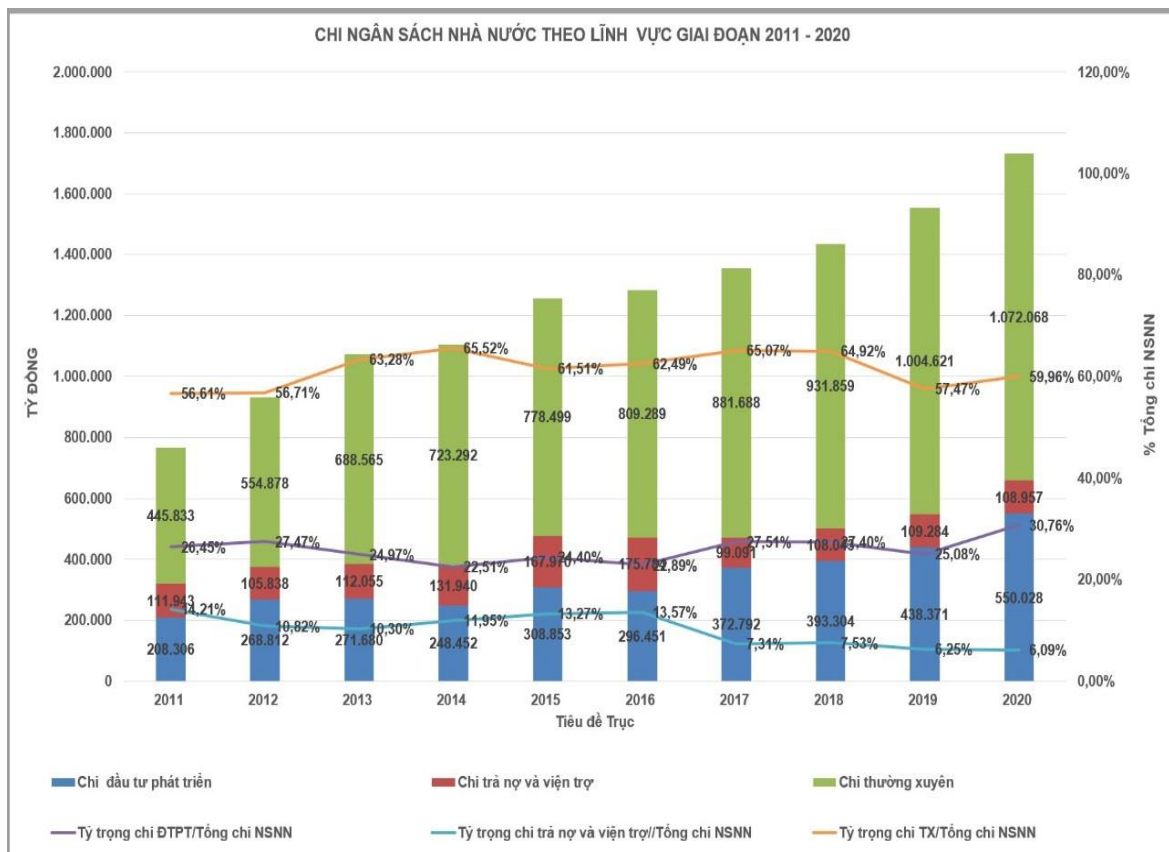
²³ Bao gồm cả dự phòng NSNN, các khoản tăng thu, kết dư NSNN bổ sung cho đầu tư phát triển.

²⁴ Theo số dự toán Quốc hội quyết định hằng năm và bổ sung từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi vốn NSTW năm 2018, 2019.

phân bổ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương cân đối được khoảng 53% nhu cầu vốn NSTW cho các dự án thuộc 21 chương trình mục tiêu được Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016. Đây là nguyên nhân dẫn đến đầu tư phân tán, hiệu quả chưa cao, hạn chế khả năng đầu tư dứt điểm các công trình trọng điểm.



Tích lũy ngân sách cho chi đầu tư phát triển có xu hướng giảm và ở mức thấp, giai đoạn 2016-2020 nguồn vay nợ (bội chi), nguồn sử dụng đất, cộng thêm nguồn cổ phần hóa chiếm tới 88% tổng chi đầu tư từ nguồn NSNN, trong khi bình quân 5 năm 2011-2015, nguồn vay nợ (bội chi) và nguồn sử dụng đất chiếm 73% tổng chi đầu tư nguồn NSNN.



Mặc dù vốn bố trí cho ngành giao thông chiếm tỷ trọng cao nhất (42,9%) trong tổng số vốn đầu tư nguồn NSTW giai đoạn 2016-2020 nhưng việc phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại vẫn chưa đạt yêu cầu. Các dự án công trình giao thông khởi công mới sử dụng vốn NSNN trong giai đoạn 2016-2020 rất ít so với yêu cầu, quy hoạch phát triển²⁵. Nhiều dự án đường cao tốc, đường bộ quan trọng còn chậm tiến độ như: Bến Lức - Long Thành, Trung Lương - Mỹ Thuận. Vận tải hàng hóa trong nước chủ yếu là đường bộ, chi phí logistic còn ở mức cao. Đầu tư mới tập trung chủ yếu vào lĩnh vực đường bộ, chưa quan tâm đúng mức đến đường sắt, đường thủy, thiếu các cảng biển, cảng đường sông hiện đại để phát triển kinh tế và du lịch. Hạ tầng hàng không đã được nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế và du lịch, một số sân bay quốc tế lớn như Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng... đều đã quá tải. Ngành công nghiệp (4,2% tổng chi đầu tư NSTW), nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi (20% tổng chi NSTW) chưa được quan tâm đầu tư đúng mức.

d) Chất lượng xây dựng kế hoạch và chuẩn bị dự án còn nhiều bất cập, có nơi còn mang tính hình thức, chủ quan, chưa gắn với thực tiễn và quy định pháp luật, phải điều chỉnh nhiều lần, thời gian thực hiện kéo dài, phân bổ vốn còn dàn trải, cào bằng....

Công tác lập kế hoạch chưa được quan tâm; các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn kế hoạch đầu tư chưa được chấp hành nghiêm. Tình trạng giao kế hoạch nhiều lần, có năm không giao được hết kế hoạch, trả lại vốn, thậm chí có một số Bộ đã đề nghị giảm kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài ngay sau thời điểm kế hoạch vừa được giao. Riêng đối với nguồn vốn ODA, việc xây dựng kế hoạch chưa bao quát được hết các hiệp định đã ký kết; chưa tổng hợp đầy đủ số dự án cần bố trí vốn; không cân đối được hợp lý giữa nhu cầu vay và khả năng trả nợ, làm cho nhiều dự án bị thiếu vốn, không thể giải ngân, do phát sinh các Hiệp định ký kết sau khi Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được thông qua.

Giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn, mất thời gian đã làm chậm tiến độ của hầu hết các dự án. Nhiều dự án phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư do chi phí giải phóng mặt bằng tăng lên, gây khó khăn cho việc cân đối vốn và việc hoàn thành dự án đúng tiến độ.

Chất lượng chuẩn bị dự án chưa tốt, còn tình trạng phê duyệt dự án chưa bảo đảm đầy đủ các quy định hiện hành, nhất là quy định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, phê duyệt dự án mang tính hình thức để ghi vốn. Khi dự án được quyết định và bố trí vốn mới thực sự tiến hành hoàn tất việc chuẩn bị đầu tư. Vì vậy, một số dự án quan trọng quốc gia, dự án cấp bách không giải ngân

²⁵ Việc hoàn thành 2.000 km đường bộ cao tốc chậm khoảng 2 năm so với mục tiêu đề ra; chưa có nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong; phát triển đường sắt còn chưa được quan tâm bố trí vốn, các dự án đường sắt đô thị triển khai chậm.

hết kế hoạch vốn được giao năm 2017, 2018 gây áp lực rất lớn trong cân đối NSNN giai đoạn 2021-2025²⁶.

Tuy số lượng chương trình mục tiêu trong giai đoạn 2016-2020 giảm 2,9 lần so với giai đoạn 2011-2015 nhưng nhiều chương trình còn trùng lặp về nhiệm vụ dẫn đến số lượng dự án nhiều, không cân đối đủ nguồn để bố trí vốn cho các dự án²⁷. Đồng thời, việc phê duyệt quyết định đầu tư 21 Chương trình mục tiêu trong khi Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã được giao, dẫn tới nhiều dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 đã được giao kế hoạch nhưng không phù hợp với đối tượng, phạm vi của Chương trình mục tiêu²⁸...

đ) Tiến độ triển khai các dự án, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án lớn, trọng điểm chưa đáp ứng yêu cầu, còn lãng phí, chậm tiến độ; còn tồn tại vướng mắc về chính sách đất đai, giải phóng mặt bằng, dự án PPP...

Trong cả giai đoạn, về cơ bản không có dự án mới trọng điểm nào được đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành ngay trong nhiệm kỳ do thời điểm trình, phê duyệt, khởi công các dự án chủ yếu vào cuối kỳ kế hoạch, trong đó Dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông đến cuối năm 2017 mới được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư²⁹; cuối năm 2018 mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định đầu tư, sau đó một số đoạn phải báo cáo Quốc hội cho phép chuyển đổi phương thức đầu tư từ PPP sang đầu tư công, Quý III/2019 mới thi công một số dự án thành phần và đến nay các dự án thành phần đang tiếp tục triển khai, chưa hoàn thành; Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư vào cuối năm 2017³⁰ và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định đầu tư cuối năm 2018; 14 dự án đường bộ, đường sắt của Bộ Giao thông vận tải được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 556/NQ-UBTVQH14 ngày 31/7/2018, đến năm 2019 mới hoàn thiện thủ tục đầu tư.

Thực hiện định hướng “khai thác tối đa, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Không bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác có thể đầu tư” chưa thực sự thành công. Đối với lĩnh vực giao thông, giai đoạn 2016-2020, số lượng dự

²⁶ Như 12 dự án đã nêu trên.

²⁷ Số lượng dự án bố trí trong giai đoạn 2016-2020 phải kéo dài thời gian bố trí vốn so với quy định khoảng 1.300 dự án.

²⁸ Chính phủ đã báo cáo Quốc hội cho phép quyết toán năm 2018 một số dự án chưa phù hợp với đối tượng của các Chương trình nhưng đã được giao kế hoạch đầu tư công trung hạn.

²⁹ Nghị quyết số 52/2017/QH4 ngày 22/11/2017 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

³⁰ Nghị quyết số 53/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội và Quyết định số 1487/QĐ-TTg ngày 6/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

án PPP rất ít và chỉ lựa chọn nhà đầu tư cho các dự án BOT, BT. Các dự án BOT, BT đường bộ hầu hết là các dự án nâng cấp, cải tạo; hiệu quả kinh tế - xã hội và tính lan tỏa chưa cao. Công tác chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, thẩm định dự án và phương thức giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước chưa chặt chẽ, thiếu tính công khai, minh bạch; kinh nghiệm đầu tư, quản lý đầu tư, quản lý vận hành và năng lực tài chính, kỹ thuật của nhà đầu tư còn nhiều hạn chế. Đối với các dự án PPP trong lĩnh vực năng lượng (nhiệt, thủy điện), phần lớn đang trong giai đoạn hoàn thiện việc đàm phán hợp đồng, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các nhà đầu tư; chưa có dự án nào được thực hiện theo các quy định mới.

Bên cạnh đó, cơ chế thu hút đầu tư PPP còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, một số dự án PPP về giao thông như đầu tư Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông phải chuyển sang đầu tư bằng nguồn NSNN, làm tăng áp lực cân đối ngân sách.

Nhiều dự án hạ tầng thực hiện theo hình thức BT (hợp đồng xây dựng chuyển giao) bộc lộ một số tồn tại, hạn chế. Hầu hết các dự án BT được giao đất trước khi hoàn thành công trình, có đơn giá đất tại thời điểm giao đất thấp hơn nhiều so với đơn giá đất tại thời điểm bàn giao công trình. Điều này khiến việc thanh toán không bảo đảm nguyên tắc ngang giá, làm lợi cho nhà đầu tư và thiệt hại cho NSNN. Một số dự án đầu tư BT không trả được nợ đến hạn, phải gia hạn nợ, khoan nợ, chuyển sang đầu tư vốn nhà nước hoặc sử dụng nguồn từ Quỹ tích lũy trả nợ.

e) Công tác quản lý, theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ; công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán còn nhiều tồn tại, khó khăn kéo dài, thiếu chế tài đủ mạnh để xử lý.

Trong kỳ kế hoạch, số dự án vi phạm trong quyết toán là 40.790 dự án (chiếm 11,6% dự án hoàn thành). Trong đó: (i) Vi phạm quy định về thời gian nộp báo cáo quyết toán: 29.331 dự án (chiếm 72% số dự án vi phạm); (ii) Vi phạm quy định về thời gian thẩm tra, phê duyệt quyết toán: 11.459 dự án (chiếm 28% số dự án vi phạm)³¹. Số dự án thực hiện báo cáo giám sát trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công có xu hướng giảm³².

2. Nguyên nhân

Những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 có *nguyên nhân khách quan*, song trực tiếp và quyết định nhất là do *nguyên nhân chủ quan*.

³¹ Nguồn số liệu báo cáo của Bộ Tài chính.

³² Tỷ lệ dự án có báo cáo giám sát trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công năm 2016 đạt 79,5%, năm 2017 đạt 74%, năm 2018 đạt 76,6%, năm 2019 đạt 43,2%.

a) Nguyên nhân khách quan

- Do lần đầu tiên triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nên không tránh khỏi những hạn chế về kinh nghiệm thực tiễn. Việc hình thành nhiều quy trình, thủ tục mới dẫn tới các bộ, cơ quan trung ương, địa phương khó nắm vững và thực hiện thống nhất các quy định của Luật, nhiều cơ quan, địa phương vẫn còn lúng túng, mất nhiều thời gian để hoàn thiện thủ tục do hồ sơ dự án phải thông qua nhiều cấp, nhiều cơ quan từ trung ương đến địa phương, thủ tục hành chính phức tạp, phân cấp trách nhiệm chưa triệt để.

- Nguồn NSTW bố trí cho chi đầu tư còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, do tỷ trọng thu NSTW có xu hướng giảm, nhất là thu dầu thô và thu cân đối xuất nhập khẩu.

- Những tồn tại, bất cập về đầu tư công trong thời gian trước chưa thể xử lý dứt điểm ngay (nợ đọng xây dựng cơ bản lớn, số vốn ứng trước nhiều), các dự án, chương trình cũ, tồn đọng từ trước vẫn cần phải tiếp tục xử lý.

- Diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid -19 đã tác động không nhỏ tới tiến độ giải ngân các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài do hầu hết các hoạt động đều gắn với yếu tố nước ngoài từ khâu nhập máy móc, thiết bị cho đến huy động chuyên gia, nhân công, nhà thầu nước ngoài, tư vấn giám sát, thống nhất với nhà tài trợ đối với từng hoạt động và kế hoạch của dự án,...

b) Nguyên nhân chủ quan vẫn là chủ yếu, với 03 nguyên nhân sau:

- *Về nhận thức:* Ý thức chấp hành pháp luật, ý thức tôn trọng kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công chưa cao, chưa chủ động, nghiêm túc trong tuân thủ các quy định, tiêu chí, nguyên tắc trong đầu tư công, dễ thỏa hiệp khi phê duyệt các dự án chưa đạt yêu cầu về pháp lý, hiệu quả... Tư duy phát triển trong đầu tư công có lúc, có nơi chậm được đổi mới, vẫn tồn tại “tư duy nhiệm kỳ”, “lợi ích nhóm”, “cơ chế xin - cho”, trông chờ, ỷ lại trung ương; thiếu chủ động, sáng tạo, chưa tận dụng hết các lợi thế trong phân cấp, ủy quyền; quyết định dự án còn thiếu liên kết với nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội, chỉ quan tâm đến lợi ích ngắn hạn.

- *Về chính sách, pháp luật:* Một số quy định pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, khả thi, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Một số bất cập trong cơ chế, chính sách tuy đã được phát hiện nhưng còn chậm được sửa đổi, bổ sung, chưa rõ thẩm quyền, dẫn tới đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương trong việc xử lý vướng mắc đầu tư công chưa hiệu quả, còn lúng túng, nhiều vướng mắc tồn tại từ lâu nhưng vẫn chưa có giải pháp căn cơ, xử lý dứt điểm như công tác giải phóng mặt bằng.

Giai đoạn đầu của kỳ kế hoạch, một số quy định của pháp luật về đầu tư công chưa thật sự hợp lý³³ như việc cho phép các dự án giải ngân 02 năm, công tác giao kế hoạch chậm chưa phù hợp với yêu cầu tiến độ các dự án, bao gồm cả giao kế hoạch từ trung ương cho các bộ, ngành, địa phương và giao kế hoạch vốn của các bộ, ngành, địa phương cho các dự án cụ thể; cơ chế điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm còn thiếu linh hoạt³⁴ đã hạn chế tính chủ động của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư hằng năm sát với thực tế. Cơ chế điều chỉnh danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 thiếu linh hoạt, trải qua nhiều cấp, làm giảm tính kịp thời của dự án, nhất là đối với dự án ODA. Đây chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến giải ngân chậm trong các năm đầu kỳ kế hoạch.

- Về công tác triển khai:

Năng lực trong triển khai thực hiện còn yếu, chưa quyết liệt, chưa hiệu quả; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chưa được thể hiện rõ; phân bổ vốn đầu tư công còn bình quân, thiếu trọng tâm, trọng điểm; chưa sâu sát, thiếu đôn đốc, kiểm tra; trách nhiệm trong phối hợp xử lý công việc và tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách còn chưa chặt chẽ, còn tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm; buông lỏng quản lý, dẫn tới tình trạng “trên nóng dưới lạnh”, cùng một mặt bằng pháp luật nhưng có nơi làm tốt, có nơi làm chưa tốt. Năng lực lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện còn nhiều bất cập, nhất là năng lực về thẩm định, kiểm tra, giám sát, thi công... dẫn tới tình trạng nhiều dự án chậm tiến độ, chậm giải ngân, chậm quyết toán...

Đối với công tác giải ngân vốn, các cấp, các ngành chưa thực sự vào cuộc, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu chưa được đề cao, chưa rõ nét; công tác tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng còn chưa đầy đủ, thiếu minh bạch, thiếu công bằng; một số chủ đầu tư chưa tích cực thực hiện các thủ tục thanh toán, quyết toán; năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu... còn nhiều bất cập, không đáp ứng được yêu cầu; công tác đôn đốc nhà thầu triển khai thi công chưa quyết liệt và hiệu quả. Riêng nguồn vốn ODA, việc giải ngân chậm do nhiều dự án phải thực hiện điều chỉnh hiệp định vay mặc dù dự án đã có khối lượng hoàn thành nhưng không thể giải ngân; nhiều dự án gặp vướng mắc về thủ tục kiểm soát chi, giải ngân, rút vốn; vẫn còn tình trạng hồ sơ rút vốn sai, thiếu thủ tục,

³³ Các hạn chế về giao, điều chỉnh, giải ngân kế hoạch đã được sửa đổi tại Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 của Quốc hội.

³⁴ Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn NSTW hằng năm phải báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoặc Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại Điều 75 Luật Đầu tư công, đối với cấp địa phương, nhiều trường hợp điều chỉnh kế hoạch cần phải báo cáo Hội đồng nhân dân, trong khi việc tổ chức họp Hội đồng nhân dân bất thường đòi hỏi mất nhiều thời gian tổ chức, quy định báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân đã bãi bỏ.

thời gian xử lý hồ sơ kéo dài; việc chuyển nguồn, hạch toán ghi thu - ghi chi, tạm ứng còn chậm...

III. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Từ những kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại, nguyên nhân nêu trên, có thể rút ra được 05 bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, không phân tán, dàn trải, manh mún; phải đúng, phải trúng các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra³⁵, tập trung nguồn lực cao độ để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

Hai là, phải nghiêm túc thực hiện các quy định pháp luật về đầu tư công, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định, không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm soát quyền lực.

Ba là, nâng cao năng lực thực hiện gắn với công tác chỉ đạo, điều hành thống nhất từ trung ương đến địa phương, xác định rõ và tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu³⁶; đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, giám sát; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh.

Bốn là, tiếp tục phát huy hiệu quả của cơ chế phân cấp, triển khai thí điểm các cơ chế đột phá, tổ chức đánh giá, nhân rộng để thể chế hóa thành quy định pháp luật³⁷; phát huy tinh thần tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại; khuyến khích bảo vệ những người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Năm là, đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, phát huy vai trò dẫn dắt, lan tỏa, là “vốn mồi” để huy động đầu tư của khu vực ngoài nhà nước, tạo không gian, động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

³⁵ Nhất là các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ đã được xác định trong các văn kiện, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch... của Đảng, Chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương, của các ngành, lĩnh vực.

³⁶ Trong các khâu của quá trình đầu tư từ lập, giao, phân bổ kế hoạch, triển khai kế hoạch nhất là công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư.

³⁷ Một bài học tốt từ việc Quốc hội ban hành Nghị quyết số 122/2020/QH14, theo đó ủy quyền cho Chính phủ chủ động điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020 trong phạm vi dự toán được giao, tạo sự chủ động, linh hoạt trong thực hiện, phát huy hiệu quả sử dụng vốn khi nhanh chóng điều chỉnh, điều hòa vốn từ nơi kém hiệu quả sang nơi hiệu quả hơn, cho phép Chính phủ báo cáo kết quả tại kỳ họp gần nhất, vẫn bảo đảm cơ chế giám sát của Quốc hội.

Phần 2**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
GIAI ĐOẠN 2021-2025****I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC**

Dự báo tình hình kinh tế thế giới trong thời gian tới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Tăng trưởng kinh tế thế giới có khả năng chậm hơn giai đoạn trước; thương mại và đầu tư quốc tế có xu hướng chậm phục hồi; nợ công toàn cầu và rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó kiểm soát, gây ra suy thoái kinh tế trầm trọng trên toàn cầu, có khả năng tác động lâu dài đến nền kinh tế thế giới; làm thay đổi sâu sắc trật tự, cấu trúc kinh tế, phương thức quản trị toàn cầu, cách thức hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống xã hội của thế giới...

Ở trong nước, chúng ta có nhiều cơ hội, thuận lợi, thế và lực của đất nước sau 35 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều cả về quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế; tình hình chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên; tính tự chủ được cải thiện; tích lũy và nâng cao năng lực quản trị nhà nước, điều hành phát triển kinh tế - xã hội; uy tín, vị thế đất nước ngày càng được củng cố trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, trong giai đoạn tới nền kinh tế phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Các vấn đề về năng suất, hạ tầng, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nguồn nước, tài nguyên, đất đai và xử lý ô nhiễm môi trường, già hoá dân số, chênh lệch giàu - nghèo và trình độ phát triển xã hội gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn ngày càng phức tạp với cường độ mạnh, khó lường, đặc biệt là ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 còn kéo dài đến những năm đầu của kế hoạch 5 năm 2021-2025; những thách thức này sẽ tác động nặng nề đến phát triển kinh tế, xã hội. Yêu cầu đặt ra không chỉ hoá giải các nguy cơ, thách thức mà còn phải tích cực, chủ động trước thời cơ mới khi cấu trúc kinh tế thế giới, quản trị toàn cầu được định hình lại, phương thức sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng và đời sống xã hội thay đổi sau đại dịch.

Trong bối cảnh đó, đầu tư công đóng vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt khi nguồn NSNN có hạn thì đòi hỏi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cần được tiếp tục đổi mới, xây dựng một cách hợp lý, bảo đảm tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra; nâng cao hiệu quả đầu tư công ngay

từ khâu lập kế hoạch đến triển khai thực hiện; phát huy tối đa các bài học kinh nghiệm tốt, nhanh chóng khắc phục các tồn tại, hạn chế với các giải pháp, bước đi chắc chắn, phù hợp.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI; MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC TRONG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN

1. Quan điểm chỉ đạo

Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong giai đoạn tới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn các quan điểm cơ bản sau đây:

Một là, bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá, 6 nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng³⁸.

Hai là, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, hiện đại, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, vùng động lực, vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, các công trình, dự án trọng điểm có sức lan tỏa cao; các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch vùng miền và khoảng cách giàu - nghèo.

Ba là, kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, phân tán, lãng phí, kém hiệu quả; xóa bỏ cơ chế "xin - cho", tham nhũng, lợi ích nhóm và các hạn chế, bất cập; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường giám sát, kiểm tra; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; linh hoạt, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là về thể chế, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc thực hiện và giải ngân dự án,...

Bốn là, lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước, nhất là đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư (PPP), các dự án BOT.

Năm là, giảm tỷ trọng vốn đầu tư công, tăng vốn đầu tư xã hội trong cơ cấu vốn đầu tư, nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm hệ số ICOR; tạo chuyển

³⁸ Nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua, Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII.

biển rõ nét trong đột phá chiến lược về hạ tầng chiến lược, góp phần hiện thực hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra.

2. Mục tiêu tổng quát đầu tư công

Tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng giảm tỷ trọng vốn đầu tư công trong cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội, xây dựng cơ chế thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước, hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo chuyển biến rõ nét trong đột phá chiến lược về hạ tầng trong nhiệm kỳ phục vụ thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 đã được Đại hội XIII của Đảng thông qua.

Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, kết hợp với thí điểm, tiến tới hoàn thiện thể chế pháp luật thông thoáng, thúc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm cá nhân. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng trong đầu tư công, xóa bỏ “cơ chế xin - cho”, khắc phục căn bản tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, giảm tối đa số lượng dự án khởi công mới, tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án lớn, dự án trọng điểm, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

3. Mục tiêu cụ thể

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 32-34% GDP, tỷ trọng vốn đầu tư công bình quân 5 năm khoảng 16-17% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

- Tỷ trọng chi đầu tư NSNN chiếm khoảng 28% tổng chi NSNN; phần đầu chi đầu tư NSNN chiếm 29% tổng chi NSNN, tăng cường vai trò chủ đạo của NSTW trong đầu tư công.

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Phần đầu số dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn chiếm trên 80% tổng số dự án được bố trí vốn NSTW giai đoạn 2021-2025. Phần đầu tỷ lệ giải ngân bình quân giai đoạn 2021-2025 trên 90%.

4. Định hướng đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025

a) Về cơ cấu nguồn vốn NSNN

(1) *Vốn trong nước*: tập trung đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có ý nghĩa lớn, tạo sự lan

tỏa, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, dự án liên kết vùng, liên kết các địa phương, tạo đột phá thu hút vốn đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xã hội hóa đối với các dịch vụ công cộng, đặc biệt trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ công như y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân ở đô thị và nông thôn; huy động được nguồn lực đất đai và tài nguyên cho đầu tư phát triển; khuyến khích, thu hút đầu tư có chọn lọc các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, dự án có chất lượng, công nghệ cao, thân thiện môi trường, sản phẩm có sức cạnh tranh và phù hợp với định hướng cơ cấu lại nền kinh tế của từng ngành, từng vùng; đầu tư vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, công nghiệp phụ trợ, đầu tư phát triển các vùng trọng điểm, chiến lược, cực tăng trưởng theo Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển các vùng kinh tế và một số địa phương³⁹...

(2) Vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

- Việc huy động, quản lý và sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải gắn với việc cơ cấu lại đầu tư công. Bất kỳ khoản vay mới nào cũng cần được xem xét hiệu quả kinh tế, phương án tài chính, đánh giá tác động tới kế hoạch đầu tư công trung hạn, các chỉ tiêu nợ công, ngân sách cũng như khả năng trả nợ trong tương lai. Việc đàm phán, ký kết các hiệp định, Thỏa thuận vay phải phù hợp với điều kiện, tiêu chí về hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng trả nợ, không vay vốn với những dự án có điều kiện quy định gây bất lợi cho Việt Nam hoặc hiệu quả kém so với vay trong nước.

- Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chỉ sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Tập trung cho một số lĩnh vực chủ chốt để đảm bảo phát huy được tối đa hiệu quả kinh tế theo quy mô, ưu tiên đầu tư cho các dự án có hiệu quả kinh tế - xã hội, trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng gắn với phát triển bền vững, nhất là các dự án có khả năng tạo nguồn thu ngoại tệ trong trung và dài hạn để tăng cường năng lực trả nợ của quốc gia; các dự án có tính chất hàng hóa công cộng, thuộc nhiệm vụ chi của NSNN, có hiệu ứng lan tỏa như thích ứng biến đổi khí hậu, nâng cao chất lượng môi trường, giáo dục, y tế, công nghệ, kỹ năng.

b) Về cơ cấu ngành, lĩnh vực

³⁹ Các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 45-NQ/TW ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số 54-NQ/TW ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- *Giao thông*: Đến năm 2025, hoàn thành đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông từ Lạng Sơn tới Cà Mau và một số tuyến đường bộ cao tốc kết nối tới các trung tâm kinh tế lớn, kết nối Tây Nguyên với Duyên hải Nam Trung Bộ, kết nối nội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển, nâng cấp đường cát hạ cánh tại Cảng hàng không Tân Sơn Nhất và Nội Bài; đầu tư nhà ga T3 cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất; cảng hàng không Điện Biên, Côn Đảo; xây dựng một số nhà ga tại các cảng hàng không quá tải (Phú Bài, Đồng Hới, Đà Nẵng, Phù Cát, Tuy Hòa...), cải tạo đường băng, đường lăn, sân đỗ một số cảng hàng không, cải tạo các điểm nghẽn, nâng cấp các tuyến đường sắt, ưu tiên là tuyến đường sắt thống nhất; chuẩn bị để triển khai một số đoạn đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, đường sắt vùng; kết nối đồng bộ hệ thống giao thông với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển; đầu tư đường ven biển; hoàn thành cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

- *Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*: Nâng cấp và hiện đại hoá kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu ở vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng cơ sở hạ tầng liên xã, cấp huyện, vùng, bảo đảm tính kết nối theo hệ thống, đồng bộ, nhất là về thủy lợi, giao thông, hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án gia cố hệ thống đê xung yếu, xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển, phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, di dời dân cư khẩn cấp ra khỏi khu vực có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

- *Công nghiệp*: Thực hiện đầu tư và đưa vào vận hành các dự án lưới điện truyền tải thông minh, hiệu quả, có khả năng kết nối khu vực. Mở rộng lưới điện tới các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo, đồng thời bảo đảm an toàn và chống thất thoát điện. Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống nhân dân theo Nghị quyết số 55-NQ/TW ngày 11/02/2020 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- *Ngành giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp*: Đầu tư một số hạng mục thiết yếu, tăng cường cơ sở vật chất cho các học viện, đại học quốc gia, trường

đại học có tính liên ngành, các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao⁴⁰ nhằm tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp nhận các công nghệ sản xuất mới theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- *Ngành khoa học, công nghệ*: Đầu tư nâng cao năng lực kỹ thuật các Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đáp ứng tiêu chuẩn trung tâm đo lường, thử nghiệm hàng đầu khu vực trong một số lĩnh vực trọng điểm; Đầu tư 15 phòng thí nghiệm trọng điểm cho Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; Xử lý giải phóng mặt bằng cho Khu công nghệ cao Hòa Lạc đảm bảo đủ diện tích đất sạch thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực công nghệ cao; nâng cao năng lực nghiên cứu của các trường, viện, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia.

- *Ngành văn hóa, thông tin*: đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho các ngành công nghiệp văn hóa (điện ảnh, các công trình văn hóa phục vụ nghệ thuật biểu diễn, sân khấu, triển lãm, thư viện, văn hoá cơ sở, bảo vệ di sản văn hoá,...). Triển khai hoàn thiện hệ thống các thiết chế văn hóa quan trọng tầm quốc gia, nhà văn hoá đa năng phục vụ lực lượng vũ trang, thanh thiếu niên, người lao động,... góp phần thực hiện thành công Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Tập trung đầu tư hoàn thiện các công trình văn hóa quan trọng như: Làng văn hoá du lịch các dân tộc Việt Nam, hệ thống các nhà hát, nhà triển lãm tại trung ương và địa phương nhằm tạo điều kiện cho các bộ môn nghệ thuật truyền thống và đương đại phát triển, bảo tàng Hồ Chí Minh, bảo tàng Lịch sử... và các trung tâm văn hoá thể thao tổng hợp phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hưởng thụ văn hoá của người dân.

Tiếp tục đầu tư các dự án, công trình phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu, phù hợp với Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí đến năm 2025 đã báo cáo Bộ Chính trị và Ban chấp hành Trung ương Đảng. Trong đó, nhiệm vụ trọng tâm là tập trung đầu tư cho hệ thống kỹ thuật và công nghệ phát thanh, truyền hình, thông tấn, thực hiện các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng và lộ trình số hóa nhằm đáp ứng kịp thời công tác tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước phục

⁴⁰ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Thái Nguyên, Đại học Cần Thơ, Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội; Học viện Chính sách, Đại học Y dược Thái Bình. Thực hiện bồi dưỡng, giải phóng mặt bằng cho 02 Đại học quốc gia (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) và Đại học Đà Nẵng.

vụ quá trình hội nhập và phát triển kinh tế; đầu tư nâng cấp và chuyển đổi công nghệ các máy phát và chất lượng chương trình phát thanh, truyền hình thuộc các khu vực khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa; bổ sung đầu tư một số cơ sở vật chất phục vụ ngành thông tấn, báo chí, xuất bản trọng điểm. Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện từng bước một số kênh phát thanh, truyền hình quan trọng thiết yếu: Kênh truyền hình Quốc hội, Nhân Dân, Biển đảo, Tiếng dân tộc, Truyền hình thông tấn, môi trường, đối ngoại...

- *Ngành thể dục, thể thao*: Đầu tư xây dựng và phát triển các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia tại các địa bàn trọng điểm: thành phố Hà Nội, thành phố Đà Nẵng, thành phố Cần Thơ, thành phố Hồ Chí Minh, Khu liên hợp thể thao quốc gia... Bên cạnh đó, tăng cường đầu tư cải thiện cơ sở vật chất cho phát triển thể thao học đường (các trung tâm tập luyện và thi đấu của các trường), thể thao lực lượng vũ trang (trung tâm huấn luyện và thi đấu của quốc phòng, công an)...

- *Ngành y tế, dân số và gia đình*: tăng cường cơ sở vật chất cho các trung tâm y tế dự phòng, đầu tư xây dựng 02 Trung tâm kiểm soát dịch bệnh miền Bắc và miền Nam nhằm phục vụ phòng chống dịch bệnh và chăm sóc y tế cho người dân; tăng cường cơ sở vật chất hệ thống khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng hoàn chỉnh ở từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm dịch vụ y tế cơ bản, người dân được quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu, dịch vụ kỹ thuật cao ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực; kết hợp du lịch với y tế, chăm sóc sức khỏe.

- *Ngành xã hội*: Tiếp tục tập trung đầu tư chỉnh trang, hoàn thiện hệ thống các nghĩa trang liệt sỹ quan trọng, các trung tâm điều dưỡng và chăm sóc người có công của ngành lao động thương binh và xã hội, các Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên thuộc hệ thống của Đoàn thanh niên theo Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe người lao động; xây dựng, cải tạo, nâng cấp các cơ sở cai nghiện và trợ giúp xã hội khác. Việc đầu tư cho các trung tâm điều dưỡng, nuôi dưỡng người có công của ngành lao động, thương binh và xã hội sẽ giúp tăng số giường điều dưỡng thêm 3.000 giường, tăng số lượng người có công được phục vụ điều dưỡng theo chế độ, chính sách từ khoảng 20% lên 30%. Đầu tư cho các dự án ổn định dân di cư, khu vực bị ảnh hưởng bão lũ, sạt lở tại các địa phương, vùng thường xuyên bị tác động.

- *Ngành quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội*: đầu tư cơ sở vật chất, hiện đại hoá lực lượng phòng không - không quân, hải quân, thông tin liên lạc, tác chiến điện tử, trinh sát kỹ thuật, cảnh sát biển, tác chiến không gian mạng, cơ yếu; an ninh, cảnh sát cơ động, cảnh sát điều tra, ma túy, kỹ thuật hình sự, an ninh mạng và phòng chống tội phạm,... các hệ thống hạ tầng kỹ thuật dùng chung, kỹ thuật nghiệp vụ. Đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ quân khu thành khu vực phòng thủ vững chắc, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả các khu kinh tế - quốc phòng ở các địa bàn chiến lược, biên giới, biên, đảo. Thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế biển và vùng ven biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- *Bảo đảm điều kiện phục vụ quản lý nhà nước* các bộ, cơ quan trung ương, cũng như phát triển, sắp xếp lại hệ thống trụ sở các cơ nhà nước trong nội bộ từng bộ, cơ quan trung ương, nhất là các đơn vị mới thành lập, chia tách trong giai đoạn 2016-2020 nhưng chưa bảo đảm cơ sở vật chất theo quy định, trong đó tập trung bố trí vốn đầu tư hợp lý cho trụ sở, cơ sở phục vụ hoạt động tư pháp của các cơ quan tư pháp và thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp; đầu tư cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

- *Công nghệ thông tin*: Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin; hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Xây dựng được hạ tầng số đạt trình độ tiên tiến của khu vực ASEAN; Internet băng thông rộng phủ 100% các xã. Xây dựng và phát triển đồng bộ hạ tầng dữ liệu quốc gia, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật an toàn, an ninh thông tin; phát triển kinh tế số, hạ tầng số, chuyển đổi số để nâng cao năng suất lao động, năng lực quản lý và điều hành.

III. KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG, CÂN ĐỐI CÁC NGUỒN VỐN VÀ DỰ KIẾN TỔNG SỐ VỐN ĐỀ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tổng số vốn NSNN dự kiến đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 là **2.870.000 tỷ đồng**⁴¹, trong đó vốn NSTW là **1.500.000 tỷ đồng**; vốn NSDP là **1.370.000 tỷ đồng**. Căn cứ để xác định chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 dựa trên các chỉ tiêu về tài chính - ngân sách tại Nghị quyết Đại hội đại

⁴¹ Cao hơn mức 2.750 nghìn tỷ đồng đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV là 120.000 tỷ đồng. Nguyên nhân là do kết quả thu NSNN 2020 cao hơn đánh giá tại thời điểm tháng 10/2020 dẫn đến dự kiến thu NSNN giai đoạn 2021-2025 tăng, chủ trương của Chính phủ giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư.

biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết của Chính phủ⁴². Các nội dung này đã được phân tích chi tiết trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2016-2020 và định hướng kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Việc huy động nguồn lực nêu trên là hoàn toàn có khả năng khi nợ công, nợ Chính phủ so với GDP giảm, dư địa về tăng trưởng kinh tế, thu NSNN còn khá lớn. Những kết quả đạt được trong năm 2020 về kinh tế vĩ mô⁴³ là nền tảng để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5-7%. Về thu NSNN, còn 70% doanh nghiệp thuộc danh mục cổ phần hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2017-2020 chưa hoàn thành cổ phần hóa⁴⁴ và đang tiếp tục lộ trình thực hiện cơ cấu lại NSNN, trong đó cơ cấu thu NSNN theo Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững⁴⁵.

IV. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ PHÂN BỐ VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Nguyên tắc phân bổ chung

(1) Tuân thủ Hiến pháp, các Nghị quyết của Đảng, quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Quyết định và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ⁴⁶.

(2) Việc phân bổ vốn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương, quy hoạch tỉnh, vùng, ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

⁴² - Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 6,5-7%/năm. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 32-34% GDP.

- Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2021-2025 đạt 15-16% GDP; đến năm 2025, nợ công không quá 60% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP; ngưỡng an toàn nợ công 55% GDP và nợ Chính phủ 45% GDP.

- Bội chi NSNN giai đoạn 2021-2025 bình quân 3,7% GDP.

- Cơ cấu chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 28% tổng chi NSNN.

⁴³ Cân đối vĩ mô ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế về tích lũy - tiêu dùng, tiết kiệm - đầu tư, năng lượng, lương thực... tiếp tục được bảo đảm, là một trong số các nước có nền kinh tế tăng trưởng dương.

⁴⁴ Giai đoạn 2017-2020, số doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc danh mục có 39/128 doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc danh mục cổ phần hóa được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (đạt 30% kế hoạch).

⁴⁵ Trong đó phát triển hệ thống thu đồng bộ, minh bạch, phù hợp với thông lệ quốc tế; cơ cấu thu bền vững; bảo đảm huy động đầy đủ, chủ động, hợp lý nguồn thu cho NSNN, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

⁴⁶ Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

(3) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công, phù hợp với thực lực tài chính; bảo đảm cân đối vĩ mô, giữ vững an toàn nợ công.

(4) Bám sát mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công, huy động tối đa nguồn lực ngoài NSNN, thực hiện hiệu quả Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; cơ cấu lại nền kinh tế, các đột phá chiến lược, bố trí vốn tập trung, khắc phục triệt để phân tán, dàn trải.

(5) Quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; đẩy mạnh phân cấp trong quản lý đầu tư công, tập trung đầu tư các nhiệm vụ, chương trình, dự án, ngành, lĩnh vực, vùng trọng tâm, ưu tiên; tuân thủ thứ tự bố trí vốn theo quy định của pháp luật; bảo đảm công khai, minh bạch.

- Ưu tiên nguồn lực thực hiện các CTMTQG, dự án quan trọng quốc gia, các dự án lớn, liên vùng, lan tỏa, các khu vực khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ⁴⁷, dành nguồn lực thích đáng hỗ trợ giải quyết các điểm nghẽn phát triển đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng vùng và cả nước...

- NSTW bố trí cho các dự án thuộc nhiệm vụ của trung ương, đồng thời, hỗ trợ các địa phương đầu tư hoàn thành các dự án chuyển tiếp, hỗ trợ đầu tư phân xây lắp đối với dự án khởi công mới có tính kết nối, liên kết vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của từng vùng.

- Tuân thủ thứ tự bố trí vốn theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan; kiên quyết xóa bỏ “cơ chế xin – cho”, chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm và thực hiện phương châm “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”.

2. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

Căn cứ quan điểm, mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ, giải pháp; các nguyên tắc chung nêu trên, trong từng ngành, lĩnh vực bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên sau:

⁴⁷ 03 CTMTQG, các dự án quan trọng quốc gia (hoàn thành thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành, thông tuyến toàn bộ đường cao tốc Bắc - Nam từ Lạng Sơn đến Cà Mau và các đường tuyến cao tốc khác kết nối với các địa phương), dành nguồn lực thích đáng bố trí vốn cho các vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

- Thanh toán nợ đọng XDCB theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả số vốn ứng trước kế hoạch thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước nhưng chưa bố trí đủ vốn để hoàn trả;

- Phân bổ vốn cho dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; vốn cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư; dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch;

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch;

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án;

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

V. DỰ KIẾN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Quá trình triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn

Triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 có những thuận lợi và khó khăn đan xen. Thuận lợi là chúng ta đã phân tích, đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm quý giá từ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 để xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, công tác chuẩn bị hướng dẫn xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vào thời điểm⁴⁸ đang trình Quốc hội sửa Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13; một số nội dung liên quan đến công tác lập, thẩm định, phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm quy định tại Luật Đầu tư công sửa đổi có sự thay đổi lớn; việc triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được điều chỉnh bởi Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14. Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành khung hướng dẫn về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025⁴⁹, thiếu một nội dung quan trọng là dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho từng

⁴⁸ Theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 trước ngày 31/3/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

⁴⁹ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án.

Năm 2020, khi Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có hiệu lực, do những diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19 đã tác động rất lớn đến nền kinh tế nói chung và đến thu NSNN nói riêng. Để giảm thiểu tác động của đại dịch, Quốc hội, Chính phủ đã cho phép triển khai các giải pháp giãn, hoãn, giảm thuế suất hỗ trợ doanh nghiệp và cho phép kéo dài thời kỳ ổn định NSNN giai đoạn 2017-2020 sang năm 2021. Vì vậy, việc xác định dự kiến cân đối NSNN giai đoạn 2021-2025, trong đó nguồn lực bố trí cho chi đầu tư phát triển là khó khăn. Đến giữa tháng 9/2020, Chính phủ mới xác định được dự kiến khả năng cân đối NSNN cho chi đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 là **2.750.000 tỷ đồng**, bằng **70,5% nhu cầu** của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Sau thời điểm báo cáo Quốc hội tháng 10/2020; các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tiếp tục đề xuất nhu cầu vốn cho giai đoạn 2021-2025. Cập nhật trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công đến thời điểm tháng 3/2021 là **3,9** triệu tỷ đồng, tăng 0,4 triệu tỷ đồng so với số đã báo cáo Quốc hội tại thời điểm tháng 10/2020. Tuy nhiên, nhiều đề xuất chưa gắn với mục tiêu, nhiệm vụ, ý kiến của Quốc hội tại Nghị quyết số 135/2020/QH14; chưa đủ cơ sở pháp lý, chưa thực sự cấp bách,... mức vốn đề xuất lớn nhưng chưa gắn với khả năng thực hiện, giải ngân hoặc xây dựng trên cơ sở nguồn thu chưa bền vững, có thể ảnh hưởng đến kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn. Vì vậy, Chính phủ đã chỉ đạo một số bộ, cơ quan trung ương có nhu cầu sử dụng vốn lớn và các địa phương xác định chính xác nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của từng cơ quan, đơn vị, từng ngành; nhiệm vụ nào cần tập trung nguồn lực bố trí ngay trong giai đoạn 2021-2025. Do đó, đến ngày 02/4/2021, Thủ tướng Chính phủ mới có các văn bản 419/TTg-KTTH và số 32/TTg-KTTH thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

Để bảo đảm thực hiện 03 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm được xác định tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chính phủ đã thực hiện cơ cấu lại chi NSNN, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên. Theo đó, tổng mức kế hoạch đầu công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.870.000 tỷ đồng (chiếm 28% tổng chi NSNN), cao hơn 120.000 tỷ đồng so với số đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV (tại báo cáo số 533/BC-CP, tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 dự kiến là 2.750.000 tỷ đồng). Việc tăng 120.000 tỷ đồng so với thời điểm tháng

10/2020 bảo đảm cân đối NSNN, giữ mức bội chi NSNN bình quân giai đoạn 2021-2025 3,7% GDP. Kết quả này là do kết quả thực hiện thu NSNN năm 2020 tăng so với thời điểm báo cáo Quốc hội tháng 10/2020, theo đó dự kiến thu NSNN giai đoạn 2021-2025 tăng so với thời điểm tháng 10/2020 và chủ trương điều chỉnh cơ cấu chi NSNN của Chính phủ.

2. Dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

(1) Tổng mức vốn NSNN thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 2.870 nghìn tỷ đồng⁵⁰, bao gồm: 1.500 nghìn tỷ đồng vốn NSTW⁵¹ (trong đó 1.200 nghìn tỷ đồng vốn trong nước, 300 nghìn tỷ đồng vốn nước ngoài) và 1.370 nghìn tỷ đồng vốn ngân sách địa phương (NSDP).

(2) Số vốn dự kiến cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương để phân bổ chi tiết là **2.720 nghìn tỷ đồng**, gồm:

- Số vốn NSTW cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được phân bổ chi tiết tối đa là 1.350 nghìn tỷ đồng (vốn trong nước 1.080 nghìn tỷ đồng, vốn nước ngoài 270 nghìn tỷ đồng).

- Số vốn NSDP được phân bổ 1.370 nghìn tỷ đồng.

(3) Dự phòng vốn NSTW là 10% (tương đương 150 nghìn tỷ đồng) bằng với mức dự phòng đã báo cáo Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIV vào tháng 10/2020, tương đương giai đoạn 2016-2020. Mức dự phòng NSDP do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 6 Điều 51 Luật Đầu tư công.

3. Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

a) Đối với vốn NSTW

(1) Đối với vốn NSTW trong nước: 1.080.000 tỷ đồng

- Dự kiến kế hoạch cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương là: 910.356,547 tỷ đồng.

- Dự kiến cho các nhiệm vụ: 69.643,453 tỷ đồng, gồm:

⁵⁰ Cao hơn mức 2.750 nghìn tỷ đồng đã báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV là 120.000 tỷ đồng. Nguyên nhân là do kết quả thu NSNN 2020 cao hơn đánh giá tại thời điểm tháng 10/2020 dẫn đến dự kiến thu NSNN giai đoạn 2021-2025 tăng, chủ trương của Chính phủ giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư.

⁵¹ Bằng 52,3% tổng chi đầu tư vốn NSNN giai đoạn 2021-2025, bảo đảm vai trò chủ đạo của NSTW.

+ 4.723 tỷ đồng⁵² cho Bộ Giao thông vận tải để thanh toán cho Dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng.

+ 8.047,227 tỷ đồng⁵³ dự kiến thu hồi vốn ứng trước của Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

+ 56.873,226 tỷ đồng bố trí vốn đối ứng các dự án ODA, vốn góp nhà nước cho các dự án PPP và các nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Dự kiến cho 03 CTMTQG: 100.000 tỷ đồng, trong đó: (i) CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 50.000 tỷ đồng, (ii) CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 30.000 tỷ đồng; (iii) CTMTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững là 20.000 tỷ đồng.

(2) Đối với vốn nước ngoài nguồn NSTW: 270.000 tỷ đồng

- Dự kiến kế hoạch cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương để phân bổ chi tiết cho các dự án đã có chủ trương đầu tư là: 179.657,898 tỷ đồng.

- Dự kiến cho các nhiệm vụ: 90.342,102 tỷ đồng, gồm:

+ Bố trí cho Tổng công ty đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam và Tổng công ty Phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam trong trường hợp Bộ Chính trị cho phép chuyển từ cho vay lại sang cấp phát⁵⁴.

+ Bố trí cho các chương trình, dự án đang trong thời gian hoàn thiện thủ tục ký kết Hiệp định, phê duyệt chủ trương đầu tư và các vấn đề phát sinh⁵⁵.

(3) Như vậy, giai đoạn 2021-2025 các bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự kiến bố trí cho khoảng 4.979 dự án⁵⁶, giảm hơn một nửa so với giai đoạn 2016-2020, trong đó: có 2.236 dự án khởi công mới.

⁵² Dự kiến bố trí từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khu đô thị Gia Lâm. Toàn bộ số tiền sử dụng đất của Khu đô thị Gia Lâm đã được nộp vào ngân sách thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, dự án đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng có tổng mức đầu tư sau điều chỉnh năm 2016 là 44.818 tỷ đồng, số tiền NSNN hỗ trợ cho dự án là 16.204 tỷ đồng. NSTW đã bố trí 2.851 tỷ đồng cho dự án (từ kế hoạch năm 2020 và tăng thu NSTW năm 2019). Do dự án điều chỉnh có tổng mức đầu tư phần sử dụng vốn NSNN trên 10 nghìn tỷ đồng thuộc dự án quan trọng quốc gia, cần báo cáo Quốc hội bố trí vốn.

⁵³ Tại văn bản số 2581/TTg-KTTH ngày 16/12/2014, Thủ tướng Chính phủ cho phép tạm ứng 8.400 tỷ đồng cho NHPTVN để cấp bù lãi suất và phí quản lý còn thiếu, đã thu hồi 4.300 tỷ đồng từ nguồn tăng thu, còn 4.100 tỷ đồng chưa thực hiện thu hồi. Đối với VEC là số vốn ứng trước năm 2016 để làm vốn đối ứng các dự án đường cao tốc sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Tuy nhiên, nội dung này cần đợi sau khi phương án tổng thể về cơ chế tài chính của các dự án do VEC làm chủ đầu tư được Bộ Chính trị thông qua và có kết quả Đề án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam giai đoạn 2019-2021.

⁵⁴ 40.127 tỷ đồng.

⁵⁵ Trong đó dự kiến bố trí cho mục tiêu phát triển đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu khoảng 2 tỷ đô la Mỹ (tương đương 46.000 tỷ đồng),...

- Số vốn bố trí bình quân cho 01 dự án là 210,4 tỷ đồng, cao gấp 2,4 lần so với giai đoạn 2016-2020 (88 tỷ đồng/dự án).

- NSTW hỗ trợ địa phương theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14⁵⁷ và khoản 3 Điều 40 Luật NSNN 2015 là 233.127,638 tỷ đồng, xấp xỉ 22,8% tổng chi đầu tư NSTW trong nước. Số vốn bố trí cho các bộ, cơ quan trung ương gấp 1,4 lần so với số vốn bố trí cho các địa phương.

- Có **777/2.236** dự án khởi công mới (chiếm 34,7%) sử dụng vốn NSTW chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư, đang trong thời gian hoàn thiện thủ tục đầu tư⁵⁸.

(Chi tiết phương án phân bổ và danh mục dự án của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại các Phụ lục kèm theo. Riêng đối với danh mục dự án của các bộ: Quốc phòng, Công an và Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, do tính chất mật, Chính phủ có báo cáo riêng)

- Về cơ cấu ngành, lĩnh vực:

Tổng số vốn NSTW dự kiến bố trí trong dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho 13 ngành, lĩnh vực, trong đó tập trung cao nhất cho các hoạt động kinh tế chiếm 74,1% của tổng số vốn kế hoạch; kế đến là lĩnh vực quốc phòng, chiếm 7,7%; Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp chiếm 3,8%; Y tế, dân số và gia đình chiếm 3,2%; An ninh và trật tự, an toàn xã hội chiếm 2,9%; Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội chiếm 2%; bảo vệ môi trường 1,9%, văn hóa thông tin 1,0%, lĩnh vực xã hội chiếm 0,3%; Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình, thông tấn và Thể dục, thể thao chiếm lần lượt là 0,3% và 0,4%; các nhiệm vụ, chương trình dự án khác 0,6%, Khoa học và công nghệ là một trong các đột phá chiến lược, chiếm 1,8% tổng số vốn kế hoạch NSTW.

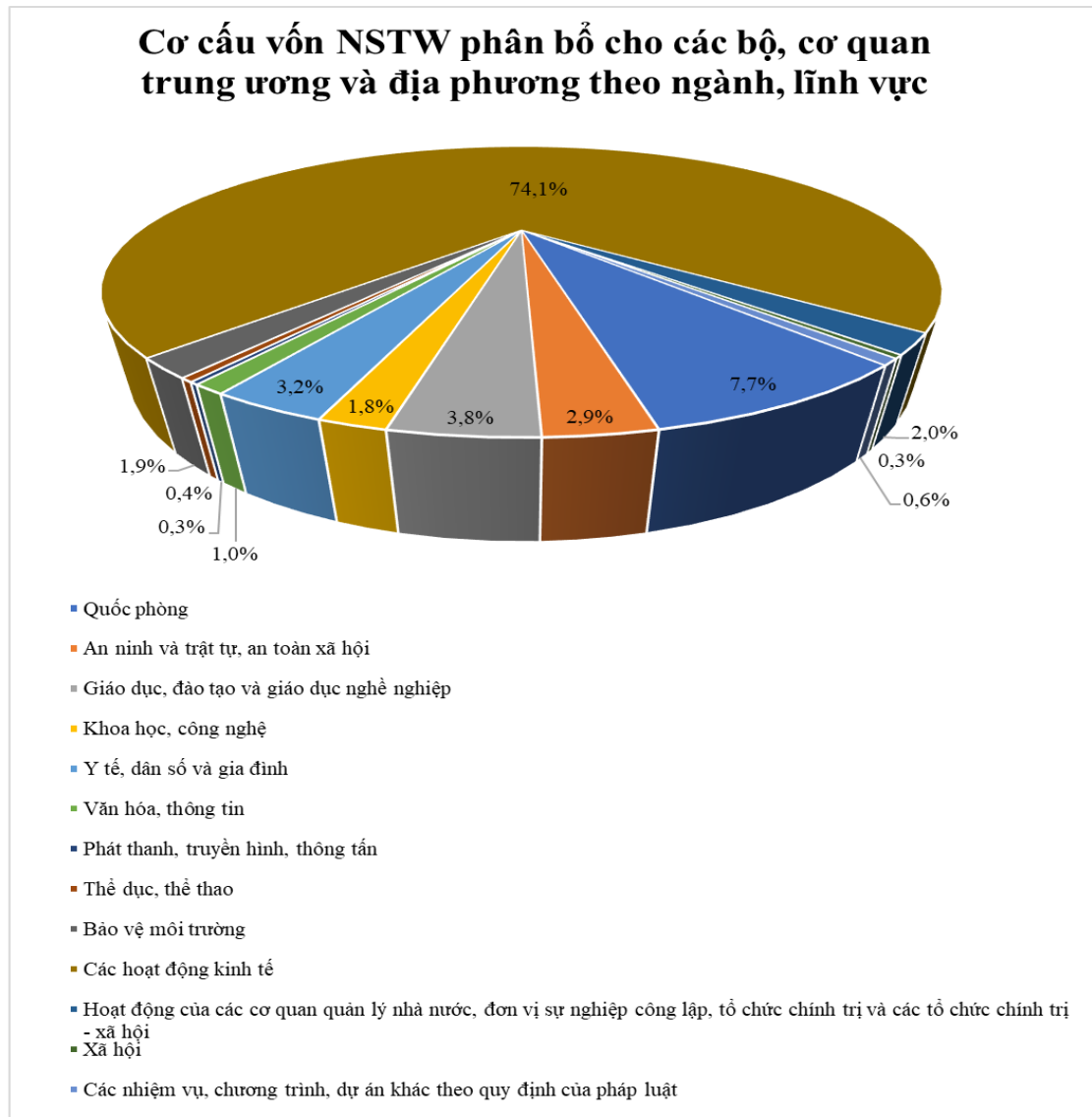
Về cơ bản, phương án dự kiến bố trí của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã tuân thủ định hướng về quản lý và sử dụng vốn đầu tư của Nhà

⁵⁶ Không bao gồm 133 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và 49 nhiệm vụ quy hoạch và 14 đối tượng phi dự án (cấp vốn điều lệ, cấp bù lãi suất phí quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã).

⁵⁷ Không bao gồm vốn ODA và vốn bố trí cho các dự án kết nối, lan tỏa là nhiệm vụ trung ương giao địa phương quản lý, vốn CTMTQG.

⁵⁸ Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có các văn bản số: 3661/BKHĐT-TH ngày 14/6/2021 và 3971/BKHĐT-TH ngày 23/6/2021 đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư theo quy định.

nước tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bảo đảm trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên các nhiệm vụ đột phá chiến lược.



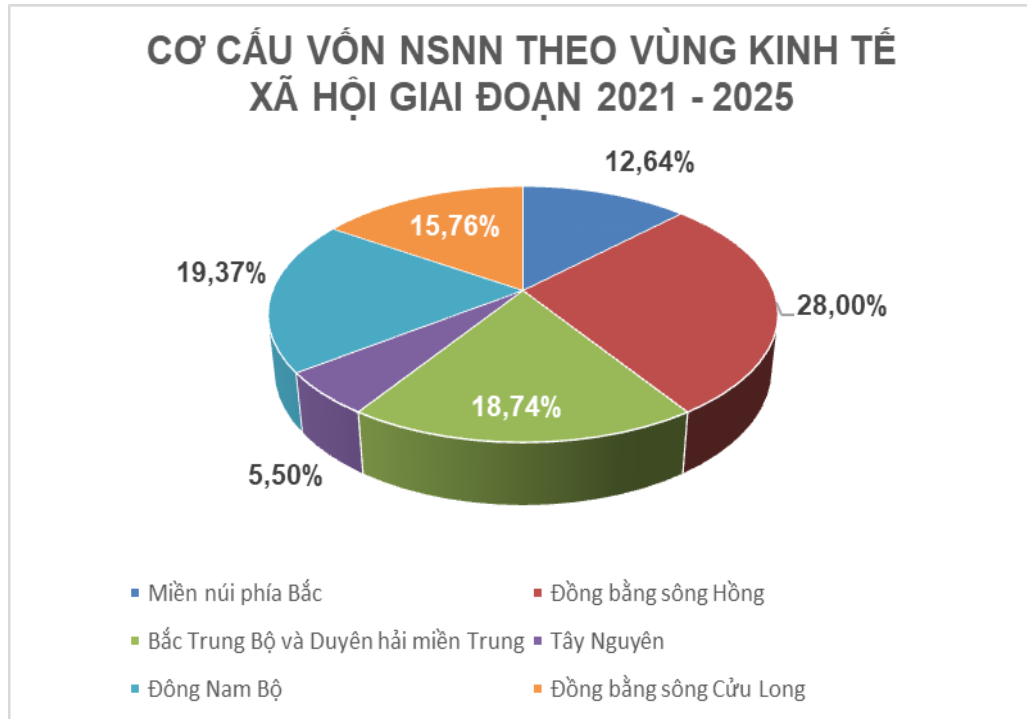
Trong lĩnh vực hoạt động kinh tế, giao thông là ngành nhận được sự ưu tiên cao nhất về bố trí vốn kế hoạch giai đoạn 2021-2025, chiếm **52,3%** số vốn NSTW và **68,8%** của số vốn kế hoạch bố trí cho các hoạt động kinh tế trong cùng giai đoạn.

- Về cơ cấu vùng:

Tổng số vốn NSNN (NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương⁵⁹ và vốn NSDP) bố trí cho các địa phương là 1.682.841,531 tỷ đồng, được phân bổ cho các vùng với tỷ trọng lần lượt là: cao nhất là vùng đồng bằng sông Hồng: 28,00% (471.180,19 tỷ đồng); thứ hai là Đông Nam Bộ: 19,37% (325.961,688 tỷ

⁵⁹ Không bao gồm CTMTQG.

đồng); thứ ba là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: 18,74% (315.357,849 tỷ đồng); thứ tư là Đồng bằng sông Cửu Long: 15,76% (265.135,785 tỷ đồng); thứ năm là Miền núi phía Bắc: 12,64% (212.628,753 tỷ đồng) và thấp nhất là Tây Nguyên: 5,50% (92.577,266 tỷ đồng).



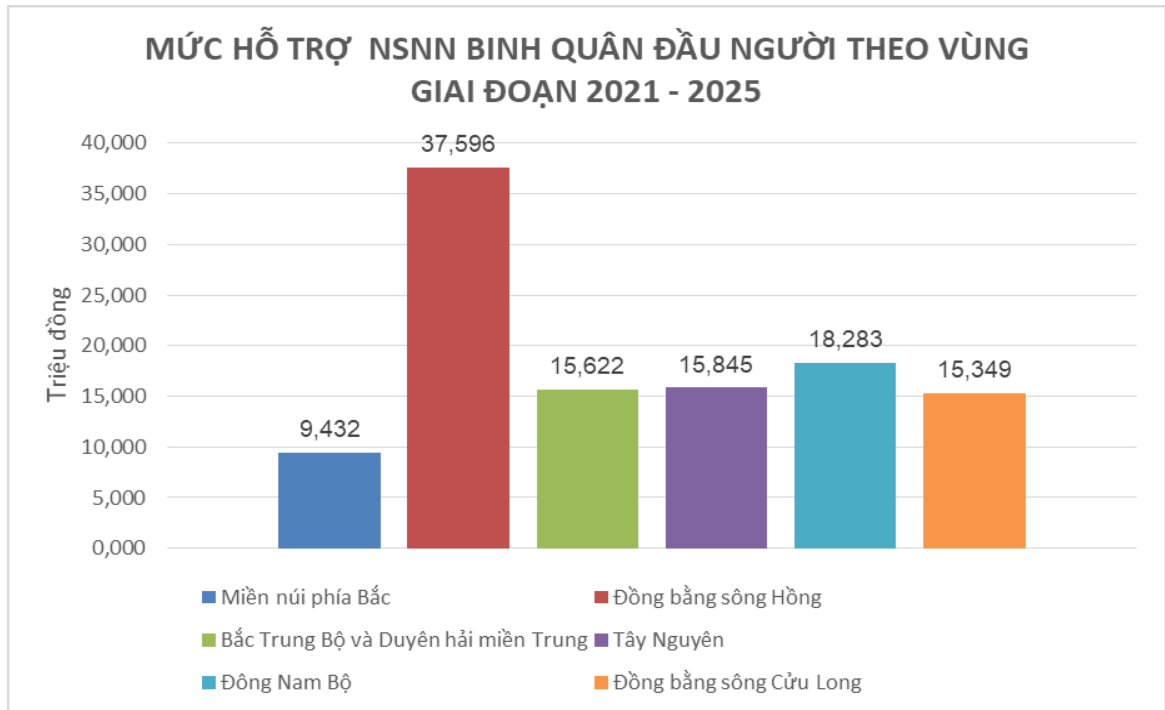
Tỷ trọng chi NSTW hỗ trợ cho các vùng lần lượt là: cao nhất Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung 24,26%, thứ hai là vùng miền núi phía Bắc 22,89%; thứ ba là vùng Đồng bằng sông Cửu Long: 19,36%; thứ tư là Đồng bằng sông Hồng: 16,65%; thứ năm là Đông Nam Bộ: 9,17% và thứ sáu là Tây Nguyên: 7,66%.

Tuy nhiên, nếu tính 2 tỷ USD (tương đương 46.000 tỷ đồng) vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài dự kiến bổ sung cho các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long để thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu, tổng chi đầu tư vốn NSTW hỗ trợ cho địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long là 26,8% và đứng ở vị trí thứ nhất.

Tỷ trọng chi đầu tư bình quân vốn NSNN/GRDP⁶⁰ vùng Tây nguyên là lớn nhất (6,21%); tiếp đến là miền núi phía Bắc là (5,48%), Đồng bằng sông Cửu Long (4,24%) Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung (3,91%), Đồng bằng sông Hồng (3,6%) và Đông Nam Bộ (2,84%).

⁶⁰ Nguồn dữ liệu lấy theo báo cáo của các địa phương.

Mức vốn NSNN bố trí bình quân đầu người vùng đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ chiếm tỷ trọng cao nhất và thấp nhất là vùng miền núi phía Bắc.



Phương án kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí theo thứ tự ưu tiên theo quy định của pháp luật, trong đó thu hồi dứt điểm số vốn ứng trước kế hoạch đã được tổng hợp, báo cáo trong giai đoạn trước; hoàn thành các dự án chuyển tiếp⁶¹, giảm số dự án khởi công mới so với giai đoạn trước⁶², tiếp tục khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, bảo đảm tổng số dự án thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 dưới 5.000 dự án.

Bố trí đủ vốn đầu tư cho các chương trình, dự án trọng điểm quốc gia và 03 Chương trình mục tiêu quốc gia⁶³, đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp thuộc 21 Chương trình mục tiêu của giai đoạn trước⁶⁴; hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng của dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành và đáp ứng yêu cầu tiến độ để cơ bản hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường vành đai 3, 4 của khu vực động lực Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, kết nối vùng đồng bằng sông Cửu Long, tuyến nối Tây Nguyên với Nam Trung Bộ, khu vực miền núi phía Bắc, tuyến đường ven biển, hành lang kinh tế Đông - Tây... ;

⁶¹ Với tổng số vốn là 409.891,517 tỷ đồng.

⁶² 2.236 dự án khởi công mới, chỉ bằng 53,1% số dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020.

⁶³ Tổng số vốn đầu tư cho 03 CTMTQG là 100 nghìn tỷ đồng, trong đó, CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 50 nghìn tỷ đồng, CTMTQG xây dựng nông thôn mới là 30 nghìn tỷ đồng; CTMTQG giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững là 20 nghìn tỷ đồng.

⁶⁴ Các dự án thuộc 21 Chương trình mục tiêu đã được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 73/NQ-CP của Chính phủ chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025.

tập trung ưu tiên bố trí vốn cho những ngành, lĩnh vực quan trọng, then chốt của nền kinh tế như các lĩnh vực kinh tế chiếm 74,1% (riêng hạ tầng giao thông chiếm 68,8% tổng số vốn của hạ tầng kinh tế); quốc phòng chiếm 7,7%, an ninh chiếm 2,9%, khoa học công nghệ 1,8%, giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp 3,8%, y tế, dân số và gia đình chiếm 3,2%,...

Tuy nhiên, Báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của một số địa phương chưa có ý kiến của Hội đồng nhân dân⁶⁵. Việc này bị ảnh hưởng một phần do quá trình triển khai thông báo số vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương gặp nhiều khó khăn như đã báo cáo tại điểm 1 nêu trên, công tác bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

b) Vốn ngân sách địa phương: 1.233.000 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn cân đối NSDP (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi NSDP) giai đoạn 2021-2025: 504.797,185 tỷ đồng⁶⁶.
- Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiến thiết: 702.788,515 tỷ đồng⁶⁷.
- Bội chi NSDP: 25.414,3 tỷ đồng, bằng với bội chi NSDP năm 2021 đã được Quốc hội quyết định cho từng địa phương⁶⁸.

Trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn, trên cơ sở thực tế thu ngân sách địa phương hằng năm sẽ điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn từ số vốn NSDP chưa phân bổ (137.000 tỷ đồng).

4. Về dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật giai đoạn 2021-2025

Tính đến nay, có 15 bộ, cơ quan trung ương⁶⁹ và 15 địa phương⁷⁰ đã có Báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn từ

⁶⁵ 26 địa phương có ý kiến HĐND trước khi gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW; 35 địa phương có ý kiến của HĐND sau khi đã tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ KHĐT và chỉ có 13 địa phương báo cáo HĐND trước khi gửi thẩm định và sau khi tiếp thu, hoàn thiện ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đáp ứng quy định Điều 55 của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

⁶⁶ Số liệu này được tính trên nguyên tắc: năm 2021 tổng hợp theo số Quốc hội đã quyết định tại Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12/11/2020; các năm sau từ năm 2022 đến năm 2025 mỗi năm tăng khoảng 6% so với năm trước.

⁶⁷ Bằng với đề xuất của các địa phương tại thời điểm tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV (tháng 10/2020).

⁶⁸ Bội chi NSDP và Đầu tư từ số thu thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm đại diện sở hữu giai đoạn 2022-2025 dự kiến sẽ bổ sung từ nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025.

nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư. Tổng số vốn bố trí là 34.668,447 tỷ đồng, bố trí cho 1.409 dự án, trong đó 131 dự án chuẩn bị đầu tư, 497 dự án chuyển tiếp và 781 dự án khởi công mới, trung bình 38,99 tỷ đồng/01 dự án khởi công mới. *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nêu trên, Chính phủ kiến nghị một số giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế, trọng tâm là bảo đảm nguồn lực NSNN cho đầu tư tối thiểu là 2.870 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn NSTW là 1.500 nghìn tỷ đồng.

Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại chi NSNN theo hướng bền vững, giảm các khoản chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển nhằm hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Rà soát, sửa đổi, bổ sung chế độ định mức; quản lý chặt chẽ, tiết kiệm chi thường xuyên từ chi NSNN, bảo đảm chi được chi khi có dự toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra; xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý ngân sách và quản lý tài sản của Nhà nước; thu hồi đầy đủ vào NSNN đối với các khoản chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi. Bên cạnh đó, cần phải tăng cường sự kiểm tra, giám sát của đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và giám sát của cộng đồng. Đồng thời, đẩy mạnh việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh tinh giản biên chế, cải cách quản lý biên chế theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo. Xây dựng Đề án cơ cấu lại NSNN, có cơ chế phù hợp, hiệu quả để phát huy vai trò chủ đạo của Trung ương nhưng tạo sự linh hoạt, sáng tạo, có trách nhiệm của địa phương, cân đối được thu chi ngân sách. Rà soát, hoàn thiện các chính sách thuế phù hợp với tình hình thực tế của đất nước và kinh nghiệm quốc tế, bảo đảm lợi ích quốc gia, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

⁶⁹ Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Ngoại giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và truyền thông, Bộ Xây dựng, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Công Thương, Bộ Y tế, Bộ Tài chính.

⁷⁰ Thái Nguyên, Hoà Bình, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Thanh Hoá, Hà Tĩnh, Phú Yên, Bình Dương, Tây Ninh, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cà Mau.

Thực hiện có hiệu quả Luật Đầu tư theo phương thức đầu tư đối tác công tư, mở rộng tối đa phạm vi và cơ hội cho đầu tư tư nhân, nhất là tư nhân trong nước. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân vào phát triển hạ tầng, phát triển các ngành, các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển và các vùng kinh tế động lực.

Mở rộng các hình thức đầu tư, tiếp tục rà soát để đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, ổn định chính sách và pháp luật khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng và phân bổ các nguồn lực. Công khai các quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, danh mục các dự án cấp thiết để giới thiệu, xúc tiến và kêu gọi các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thực hiện chính sách giá và phí các dịch vụ công theo nguyên tắc của cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Theo đó, cần sớm nghiên cứu điều chỉnh các mức phí và giá quá thấp, chưa phù hợp với cơ chế thị trường, như: phí cầu đường, viện phí, học phí,... Nghiên cứu chính sách hỗ trợ về lãi suất hoặc các hình thức ưu đãi khác về đầu tư đối với các dự án khó có khả năng thu lợi nhuận thông qua quản lý vận hành. Thực hiện tốt các giải pháp này sẽ tạo nguồn để tái đầu tư, nâng cao chất lượng dịch vụ, và thu hút ngày càng nhiều hơn khu vực ngoài nhà nước tham gia đầu tư.

Huy động nguồn lực đất đai và tài nguyên cho đầu tư phát triển, rà soát, bổ sung nguồn thu từ đất giá quỹ đất trước đây dự kiến đối ứng cho các dự án BT. Nghiên cứu và ban hành phương pháp định giá đất theo giá thị trường để tài chính hóa nguồn vốn đất đai của các chủ thể theo cơ chế thị trường, tạo thêm nguồn thu cho NSNN.

Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp, thu hút các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế tham gia phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng. Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện chuẩn hóa, công bố công khai, minh bạch, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, cung cấp thông tin dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và cung cấp thông tin tư vấn pháp luật liên quan đến dự án, giúp doanh nghiệp hiểu rõ và tạo niềm tin cho doanh nghiệp khi tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

2. Tăng cường triển khai quyết liệt hơn nữa Luật Đầu tư công, đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư, nhất là các dự án quan trọng quốc gia, dự án

trọng điểm. Rà soát hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng, trong đó tập trung rà soát, tiếp tục sửa đổi, hoàn chỉnh quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ vướng mắc, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và đúng pháp luật. Tiếp tục đơn giản hóa cao nhất về trình tự, thủ tục, tăng cường giám sát, hậu kiểm, chống thất thoát, lãng phí.

Các bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương phải phối hợp chỉ đạo cơ quan trực thuộc, các chủ đầu tư, các nhà thầu,... tăng cường tổ chức thực hiện nghiêm các quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật để bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Bên cạnh đó, hoàn thiện thể chế là một trong 03 đột phá chiến lược được tiếp tục đề ra trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, tạo động lực cho phát triển đất nước trong thời gian tới, trong đó có thể chế, chính sách cho đầu tư công. Thời gian vừa qua, việc tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều văn bản pháp quy đã tháo gỡ được những khó khăn, vướng mắc, tuy nhiên, còn một số vấn đề thuộc quy định của luật cần sớm được sửa đổi, hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn để kịp thời giải phóng nguồn lực trong xã hội, đặc biệt trong bối cảnh khó khăn do đại dịch Covid-19 và giải quyết những vấn đề cố hữu, tồn đọng kéo dài của đầu tư công. Các quy trình, thủ tục, quy định pháp luật về đầu tư công đã từng bước được hoàn thiện, trong đó Quốc hội đã ban hành Luật Đầu tư công năm 2019, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020... tuy nhiên pháp luật về đất đai hiện đang phát sinh rất nhiều vướng mắc, không chỉ ảnh hưởng đến đầu tư công mà cả thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh nói chung. Việc rà soát, đơn giản hóa quy trình, thủ tục, hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan, nhất là đất đai, xây dựng, kỹ thuật chuyên ngành đi cùng với tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi quy định pháp luật về đầu tư công thực hiện theo hướng tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả. Nghiên cứu sớm có quy định pháp luật phù hợp đối với việc tách giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư để đẩy nhanh tiến độ. Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí, nguyên tắc, định mức hỗ trợ vốn, đối tượng và loại hình các chương trình, dự án do địa phương quản lý được hỗ trợ vốn NSTW làm căn cứ triển khai, thực hiện. Đối với vốn NSDP cho đầu tư công, đề xuất cơ chế, chính sách, quy định để kiểm soát chặt chẽ, đầu tư trọng tâm, trọng điểm, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá xây dựng, suất đầu tư xây dựng công trình phục vụ các ngành kinh tế bảo đảm chất lượng, hiệu quả đầu tư xây dựng công trình, chống lãng phí. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý đấu thầu. Thực hiện đấu thầu qua mạng, trong giai đoạn 2021-2025 tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng theo lộ trình⁷¹. Tiếp tục cải cách công tác kiểm soát chi NSNN đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, đổi mới phương thức kiểm soát chi NSNN gắn với việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sử dụng vốn.

Tập trung xây dựng lộ trình cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể đối với các Quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục tiêu đề ra hoặc không còn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN. Trong giai đoạn 2021-2025 kiểm soát chặt chẽ việc cấp vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, chỉ cấp vốn cho các Quỹ thành lập theo đúng quy định, có chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động gắn với hoạt động đầu tư và có hiệu quả.

3. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hóa trách nhiệm, bảo đảm sự linh hoạt, chủ động trong điều hành kế hoạch, gắn chỉ đạo với kiểm tra, đôn đốc và đánh giá; khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Kiên quyết cắt giảm số lượng, kiểm soát chặt chẽ số dự án và thời gian bố trí vốn, bảo đảm hiệu quả, mục tiêu, tính liên tục trong đầu tư công.

Tăng cường phân cấp đầu tư công, phân cấp triệt để việc giao, điều chỉnh, bổ sung danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, nhất là đối với dự án ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị. Đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công. Người đứng đầu Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc quyết định chủ trương đầu tư, bảo đảm chất lượng lập báo cáo đề xuất, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án; chỉ quyết định chủ trương đầu tư những dự án thật sự cần thiết khi đã thẩm định, làm rõ hiệu quả của dự án, nguồn vốn, khả năng cân đối, bố trí

⁷¹ Theo quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tối thiểu 70% các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng toàn bộ (100%) gói thầu mua sắm tập trung.

vốn cho từng dự án, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện.

Rà soát tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, điều chỉnh tiến độ hoặc kiên quyết chấm dứt đầu tư các dự án kém hiệu quả, thiếu tính khả thi trong các quy hoạch được duyệt để tập trung đầu tư cho các công trình, dự án cấp bách khác.

4. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án đầu tư công, bảo đảm phù hợp với thực tế, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định pháp luật.

Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị dự án, tuyển chọn tư vấn đủ năng lực, kinh nghiệm thiết kế dự án, đảm bảo đạt chất lượng, phù hợp với thực tế, tránh phải điều chỉnh trong quá trình triển khai; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, thời gian bố trí vốn, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chỉ được quyết định đầu tư khi dự án đã được lựa chọn theo đúng quy trình, thủ tục và thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, bố trí đủ vốn hoàn thành dự án theo quy định; phê duyệt tổng mức đầu tư của các dự án phải trên cơ sở các quy định của nhà nước về định mức, suất đầu tư,... bảo đảm hiệu quả, mục tiêu và tính liên tục trong đầu tư công. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện phân bổ vốn theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, tổng hợp số liệu nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước nguồn NSDP trong Báo cáo đánh giá giữa kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Quản lý chặt chẽ, hiệu quả việc cấp đất, sử dụng đất cho các dự án, đặc biệt là dự án đầu tư công; việc cấp và giao đất phải được thực hiện hiệu quả, công khai, minh bạch thông qua các hình thức đấu thầu, đấu giá theo đúng quy định và bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người dân và doanh nghiệp.

5. Kiên quyết siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát, hậu kiểm việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công, xử lý nghiêm vi phạm theo quy định; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, lợi ích nhóm.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, bộ máy, hạ tầng, công cụ giám sát, đánh giá đầu tư của Nhà nước đối với toàn bộ hoạt động đầu tư công. Trong từng cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công phải có bộ phận kiểm soát nội bộ, kiểm tra, giám sát từng dự án thuộc phạm vi quản lý bảo đảm yêu cầu chất lượng hoạt động đầu tư, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý nghiêm những hành vi vi phạm. Ứng dụng công nghệ thông tin và phương pháp quản lý hiện đại trong

việc tổ chức xây dựng, khai thác và quản lý các công trình kết cấu hạ tầng, thực hiện đấu thầu qua mạng. Nâng cấp cơ sở hạ tầng Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công, kết nối với Hệ thống TABMIS bảo đảm toàn bộ quá trình lập, giao, điều chỉnh kế hoạch, theo dõi, báo cáo kế hoạch đầu tư công phải thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành một cách thường xuyên, toàn diện, công khai, dân chủ, thận trọng và chặt chẽ, trong đó lấy phòng ngừa, xây là chính. Các cuộc kiểm tra phải bảo đảm yêu cầu, chất lượng, giúp phát hiện sớm và đầy đủ các khó khăn, vướng mắc để đề xuất biện pháp xử lý kịp thời. Tăng cường tư vấn, giám sát độc lập, trong đó có giám sát cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng công trình.

6. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng 10% nguồn vốn dự phòng NSTW trong kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Khoản vốn dự phòng chung chưa phân bổ chỉ được sử dụng cho các mục tiêu thật sự cần thiết, bất khả kháng, cấp bách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và phải báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

So với giai đoạn 2016-2020, giải pháp thực hiện kế hoạch này có hai điểm mới có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. *Thứ nhất* là bảo đảm nguồn lực đầu tư, cân đối vốn hằng năm theo mức kế hoạch vốn trung hạn đã quyết định, nhất là vốn NSTW, kiên quyết không để tình trạng thiếu vốn như giai đoạn 2016-2020. *Thứ hai* là tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm, bảo đảm sự linh hoạt, chủ động trong điều hành kế hoạch.

VII. DỰ KIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 có nhiều đổi mới, góp phần đáng kể trong việc triển khai thực hiện 3 đột phá chiến lược, 6 nhiệm vụ trọng tâm tại Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Dự kiến kết quả đạt được như sau:

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội, hoàn thành các công trình quan trọng quốc gia, trọng điểm về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu, hạ tầng thông tin, chuyên đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số... Đến năm 2025, cơ bản hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc Bắc Nam phía Đông; đường vành đai 3, vành đai 4 khu vực động lực Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; tuyến nối vùng Nam Trung Bộ với Tây Nguyên, đầu tư hạ tầng cho phát triển vùng khu vực miền núi phía Bắc, các công trình đường bộ

cao tốc và đường thủy nội địa cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long; hoàn thành trên 1.700 km đường ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang; hành lang kinh tế Đông -Tây; sửa chữa nâng cấp, xây dựng các hồ chứa nước, các công trình thủy lợi trọng yếu ở vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân vùng khan hiếm nước, hoàn thành 84 dự án kết nối liên vùng, dự án lan tỏa, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, phòng, chống dịch bệnh, thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu, phòng chống sạt lở, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh...

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất các trường Đại học quốc gia, trường đại học có tính liên ngành, các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao góp phần phát triển nguồn nhân lực, nâng cao trình độ quản lý, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận trình độ các nước ASEAN 4 và G20, nâng cao năng lực của các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tạo những sản phẩm công nghệ lõi để làm chủ công nghệ, dẫn dắt và lan tỏa, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Dự kiến kết quả đạt được theo ngành, lĩnh vực như sau:

(1) *Quốc phòng*: Dự kiến hoàn thành một số dự án thực hiện dự án phòng chống thiên tai, đường tuần tra biên giới, tìm kiếm cứu nạn, công nghiệp quốc phòng, quy hoạch hệ thống kho KA10, KH20,... Xây dựng sân bay Phan Thiết, cải tạo sân bay Chu Lai, xây dựng Khoa chăm sóc sức khỏe cao cấp (Khoa A11) Bệnh viện TW Quân đội 108);...

(2) *An ninh và trật tự, an toàn xã hội*: Dự kiến hoàn thành một số dự án đầu tư hệ thống trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ tại các Trại tạm giam, Nhà tạm giữ (bao gồm hệ thống ghi âm, ghi hình); cải tạo, nâng cấp các cơ sở giam giữ của Bộ Công an để đảm bảo điều kiện giam giữ theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị; đầu tư trang bị, phương tiện cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các cấp; bố trí vốn cho 02 dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và dự án quản lý căn cước công dân, đây là các dự án có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng các hệ thống phát triển Chính phủ điện tử; giúp thay đổi phương thức quản lý công dân từ thủ công sang hiện đại, quản lý dân cư thông qua mã định danh cá nhân,...

(3) *Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp*: Việc đầu tư các trường Đại học quốc gia, trường đại học có tính liên ngành, các cơ sở đào tạo nghề chất lượng cao tiếp cận trình độ các nước ASEAN 4 và G20 để góp phần nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực, một trong 03 đột phá chiến lược theo tinh thần Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

(4) *Khoa học, công nghệ*: Nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ của đất nước, nâng cao năng lực hiệu quả của các cơ sở nghiên cứu, các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, tạo những sản phẩm công nghệ lõi để làm chủ công nghệ, dẫn dắt và lan tỏa, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo.

(5) *Y tế, dân số và gia đình*: Việc đầu tư ngành y tế, dân số và gia đình sẽ góp phần đạt mục tiêu đổi mới mạnh mẽ toàn diện ngành y tế để đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe ngày càng cao của nhân dân; phấn đấu đạt thứ hạng cao về y tế và chăm sóc sức khỏe so với các nước ASEAN và khu vực Tây Thái Bình Dương⁷² và đạt được chỉ tiêu số giường bệnh trên 1 vạn dân vào năm 2025 là 30,5. Đầu tư xây dựng 2 Trung tâm kiểm soát dịch bệnh miền Bắc và miền Nam nhằm phục vụ phòng chống dịch bệnh và chăm sóc y tế cho người dân. Bên cạnh đó, việc đầu tư phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu tại TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số vùng, một số lĩnh vực (tim mạch, chấn thương, ghép tạng...) để hình thành hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh có tầm cỡ khu vực và thế giới sẽ đưa Việt Nam trở thành một trong các nước có chất lượng dịch vụ y tế cao.

(6) *Văn hóa, thông tin*: Hoàn thiện giai đoạn 2 Nhà hát Tuổi trẻ; sửa chữa, nâng cấp bảo tàng Hồ Chí Minh, phục vụ khách thăm quan và giáo dục tinh thần yêu nước cho thế hệ trẻ Việt Nam; đầu tư cải tạo hệ thống vệ sinh và thay thế hệ thống chống cháy cho Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Thư viện Quốc gia; đầu tư xây dựng một số thiết chế văn hóa cho thanh thiếu niên và người lao động,...

(7) *Phát thanh, truyền hình, thông tấn*: Tăng cường năng lực xây dựng 03 cơ quan truyền thông chủ lực (Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam), chuyển đổi số và tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, vùng sâu, vùng xa của Việt Nam; Dự án tăng cường năng lực phủ sóng phát thanh FM hệ VOV1, VOV2, VOV3 vùng sâu, vùng xa và vùng biên giới; Dự án kênh truyền hình dân tộc VTV giai đoạn 2; Dự án phát sóng trung tại Đà Nẵng cho khu vực Trung bộ nhằm tăng cường năng lực phủ sóng khu vực quần đảo Hoàng Sa và biển đảo Việt Nam; dự án truyền thông VTV về khuyến nông và nông nghiệp- nông thôn - nông dân, đối ngoại... bảo

⁷² Mục tiêu phấn đấu: top 2 hoặc 3 khu vực ASEAN; top 10 khu vực Tây Thái Bình Dương; top 30 thế giới.

đảm thông tin kịp thời, tuyên truyền cho nhân dân các chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần bảo đảm chủ quyền biển đảo, biên giới, lãnh thổ quốc gia.

(8) *Thể dục, thể thao*: Xây dựng hệ thống các công trình thể thao nhằm phục vụ Đại hội thể thao SeaGames 31 vào năm 2021; Cải tạo, nâng cấp các Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia tại các vùng miền Bắc, miền Trung, Tây Nguyên, Đông Tây Nam Bộ (tại Hà Nội, Đà Lạt, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Thuận, thành phố Hồ Chí Minh) nhằm tăng cường cơ sở huấn luyện, hạn chế việc đưa vận động viên ra nước ngoài tập huấn; Hỗ trợ đầu tư hệ thống bể bơi chống đuối nước cho thanh thiếu niên và hỗ trợ đầu tư một số công trình thiết chế thể thao cho người lao động tại khu công nghiệp, khu chế xuất.

(9) *Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản*: Nâng cấp, mở rộng cảng cá kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão Cô Tô (Quảng Ninh),... sửa chữa nâng cấp và hoàn thiện các hồ chứa nước: Bản Mòng, Cánh Tạng, Cái lớn Cái bé, Krông Pách thượng,...; Xây dựng các công trình thủy lợi, hồ chứa nước trọng yếu ở vùng Tây Nguyên, Nam Trung Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, bảo đảm an ninh nguồn nước phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân vùng khan hiếm nước, vùng ảnh hưởng xâm nhập mặn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu; bảo đảm an toàn hồ đập, đê, kè, công trình thủy lợi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đầu tư hệ thống kênh mương.

(10) *Công nghiệp*: Đảm bảo cung cấp điện an toàn và đầy đủ, lâu dài, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ vững chủ quyền quốc gia thuộc vùng biển phía Nam Tổ Quốc.

(11) *Giao thông*: Đến năm 2025 cơ bản hoàn thành tuyến cao tốc Bắc Nam (từ Lạng Sơn - Cà Mau); Hoàn thành 1.700km đường ven biển từ Quảng Ninh - Kiên Giang, hoàn thành cải tạo khoảng 1.600km quốc lộ, 03 hầm (đèo Ngang, Phú Gia, Phước Trượng), các cầu lớn để đáp ứng nhu cầu vận tải, đảm bảo an toàn giao thông trên một số hành lang vận tải quan trọng; hoàn thành đấu nối ray Hà Khẩu để đảm bảo thông tàu chuyên tải với phía Trung Quốc; cải tạo một số ga đường sắt để tăng năng lực xếp dỡ, gom hàng; hoàn thành cải tạo một số cầu yếu, hầm yếu, kiến trúc tầng trên... Việc đầu tư hoàn chỉnh tuyến Kênh Chợ Gạo; nâng tĩnh không các cầu trên một số tuyến đường thủy nội địa quốc gia có lưu lượng vận tải lớn (luồng sông Hồng và một số tuyến vùng Đồng bằng sông Cửu Long); cải tạo các tuyến luồng thủy nội địa khu vực phía Nam nhằm nâng cao năng lực kết nối, vận tải hàng hóa giữa khu vực Đồng bằng sông Cửu Long với khu vực Đông Nam Bộ và cụm cảng Cái Mép - Thị Vải.

(12) *Quản lý nhà nước*: các trụ sở ngành tư pháp được tiếp tục đầu tư xây dựng bảo đảm chất lượng khang trang, hiện đại, có vị trí phù hợp quy hoạch của địa phương, cơ bản thuận tiện giao thông để người dân dễ tiếp cận; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần cải cách tư pháp tại Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp. Việc xây dựng, cải tạo và mua mới trụ sở làm việc của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài⁷³ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ các hoạt động lễ tân, đối ngoại như công tác tiếp dân, bảo hộ công dân, thể hiện được hình ảnh của một nước Việt Nam ngày càng phát triển trong mắt bạn bè quốc tế.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thực hiện thắng lợi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn hệ thống chính trị, của các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Theo đó:

1. Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo quán triệt mục tiêu, định hướng đầu tư công giai đoạn 2021-2025 trong các cấp, các ngành và tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động và chỉ đạo triển khai thực hiện.

2. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra nhằm thực hiện có hiệu quả mục tiêu, định hướng đầu tư công giai đoạn 2021-2025. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá, theo dõi tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phát huy vai trò giám sát, phản biện trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đầu tư công.

IX. MỘT SỐ NỘI DUNG XIN Ý KIẾN QUỐC HỘI

Trên cơ sở nội dung Báo cáo, Chính phủ trình Quốc hội:

1. Thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Đầu tư công, gồm:

- Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

⁷³ Ngoài số vốn NSTW được dự kiến bố trí cho các dự án khởi công mới tại các địa bàn (Anh, Pháp, Mỹ, Lào...), các dự án Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài còn được Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép tiếp tục sử dụng tại Nghị quyết số 1276/NQ-UBTVQH14 ngày 20 tháng 5 năm 2021 để tiếp tục bố trí cho 16 dự án chuyển tiếp.

- Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 là 2.870 nghìn tỷ đồng, bao gồm vốn ngân sách trung ương 1.500 nghìn tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương 1.370 nghìn tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 của từng bộ, cơ quan trung ương và địa phương chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực và từng nguồn vốn NSTW và NSDP tại các Phụ lục kèm theo.

- Giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

- Danh mục 03 Chương trình mục tiêu quốc gia với tổng số vốn NSTW chi cho đầu tư là 100 nghìn tỷ đồng, gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: 50 nghìn tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 30 nghìn tỷ đồng; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững: 20 nghìn tỷ đồng.

- Đối với các dự án quan trọng quốc gia: Thông qua danh mục và mức vốn bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp⁷⁴ và khởi công mới 01 dự án đã được Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư⁷⁵ là 65.795,847 tỷ đồng; khoảng 38.738 tỷ đồng để đầu tư các đoạn tuyến thuộc tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam (giai đoạn 2).

- Đối với số vốn còn lại khoảng 78.719 tỷ đồng để đầu tư các dự án đường bộ cao tốc, dự án trọng điểm khác, trường hợp phát sinh tiêu chí dự án quan trọng quốc gia, Chính phủ sẽ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án theo đúng quy định.

2. Về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Đối với các dự án dự kiến đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 từ nguồn NSTW, cho phép giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho từng dự án đáp ứng đủ quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công đến thời điểm Quốc hội thông qua Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025; đối với các dự án chưa đáp ứng quy định, đề nghị Quốc hội cho phép Chính phủ hoàn thiện thủ tục đầu tư, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho từng dự án theo đúng quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công làm cơ sở để Quốc hội giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

⁷⁴ Gồm: GPMB Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Đường bộ cao tốc Bắc - Nam tuyến phía Đông (giai đoạn 1).

⁷⁵ Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

3. Cho phép kéo dài kế hoạch vốn các năm 2017, 2018 sang giai đoạn 2021-2025 của 12 dự án với số vốn là 4.118,884 tỷ đồng⁷⁶.

Theo quy định tại Điều 101 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, chỉ có kế hoạch vốn năm 2019 và 2020 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân tối đa đến 31/12/2021. Số vốn bố trí cho các dự án trên thuộc kế hoạch vốn năm 2017, 2018 nên không thuộc đối tượng được phép kéo dài. Tuy nhiên, đây là các dự án quan trọng quốc gia, dự án có yếu tố quan trọng quốc gia bảo đảm an ninh nguồn nước cho nhân dân, dự án y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân đã cơ bản hoàn thành, các dự án đầu tư xây dựng đường giao thông, đê kè cấp bách của địa phương bị tác động thiên tai, lũ lụt hoặc vướng mắc trong giải phóng mặt bằng,... có số vốn chưa giải ngân lớn, đang trong quá trình thực hiện, do đó cần thiết được tiếp tục thực hiện. Nếu không được tiếp tục thực hiện và kéo dài thời gian thanh toán sẽ phải bố trí lại trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, tạo áp lực đến cân đối NSTW trong giai đoạn 2021-2025. Vì vậy, Chính phủ trình Quốc hội cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn các năm 2017, 2018 nêu trên cho các dự án này sang giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, kính báo cáo Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, các PTTg Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (5b);
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Dũng

⁷⁶ Gồm: (i) Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành của tỉnh Đồng Nai; (ii) Dự án Hồ chứa nước Ka Pét, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận; (iii) Dự án xây dựng tuyến nối từ chùa Ba Sao đến chùa Bái Đính trên địa bàn tỉnh Hà Nam; (iv) Dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp đê Tả sông Luộc kéo dài (đoạn từ K120+600 đê tả sông Hồng đến K20+700 đê tả sông Luộc), tỉnh Hưng Yên; (v) Dự án Hệ thống đường từ cầu Nhật Lệ 2 đến đường Hồ Chí Minh nhánh Đông, tỉnh Quảng Bình; (vi) Đường liên huyện dọc kênh chính qua huyện Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận; (vii) Dự án nâng cấp đường ĐT.724 và xây dựng 03 cầu, thông tuyến đường ĐT.721 tỉnh Lâm Đồng; (viii) Dự án Đường tỉnh 922, thành phố Cần Thơ; (ix) Dự án Hồ chứa nước sông Than, tỉnh Ninh Thuận; (x) Dự án Bệnh viện Nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh; (xi) Dự án Bệnh viện Ung bướu Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở 2; (xii) Dự án Bệnh viện Bạch Mai cơ sở 2 của Bộ Y tế.